



CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 30+31

Ngày 11 tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

20-7-2022	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND về việc thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023.	3
20-7-2022	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên từ nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2022 - 2025	50
20-7-2022	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND tán thành chủ trương nhập thị trấn Quân Chu và xã Quân Chu để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.	54
20-7-2022	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, mở rộng, tôn tạo di tích “Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên”.	56
20-7-2022	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	59

20-7-2022	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND thông qua Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025.	66
20-7-2022	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ tư và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	74
20-7-2022	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND thông qua Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	105

(Tiếp theo Công báo số 28+29)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/NQ - HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Công văn số 450/TTg-KTTH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí,

định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023. Tổng số nguồn vốn: **5.054.923,23 triệu đồng** (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo), bao gồm:

1. Vốn ngân sách Trung ương: 2.163.798 triệu đồng. Trong đó:

a) Vốn trong nước: 1.987.664 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

b) Vốn nước ngoài: 176.134 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2. Vốn ngân sách địa phương: 2.891.125,23 triệu đồng. Trong đó:

a) Vốn đầu tư ngân sách địa phương: 1.177.005,7 triệu đồng, bao gồm:

- Cấp tỉnh quản lý: 924.809,7 triệu đồng.

- Vốn đầu tư phân cấp cho cấp huyện: 252.196 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

b) Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 13.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

c) Nguồn vốn nước ngoài vay lại (Bội chi ngân sách địa phương): 283.531 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

d) Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 869.989 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 217.439 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh: 652.550 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo).

e) Nguồn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất: 547.599,53 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022/.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số vốn dự kiến năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	5,054,923.23	
1	Vốn ngân sách trung ương	2,163,798	
-	Vốn trong nước	1,987,664	Phụ lục II
-	Vốn nước ngoài	176,134	Phụ lục III
2	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	2,891,125.23	
	<i>Trong đó: hỗ trợ xây dựng nông thôn mới</i>	<i>217,600</i>	
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1,177,005.70	Phụ lục IV
-	Cấp tỉnh	924,809.70	
-	Cấp huyện	252,196	
2.2	Đầu tư từ nguồn thu xô số kiến thiết	13,000	Phụ lục V
+	<i>Các dự án thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đạo tạo do cấp tỉnh quản lý</i>	<i>7,000</i>	
+	<i>Hỗ trợ chương trình xây dựng nông thôn mới</i>	<i>6,000</i>	
2.3	Nguồn vốn nước ngoài vay lại (Bội chi ngân sách địa phương)	283,531	Phụ lục III
2.4	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	869,989	
-	Các dự án sử dụng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	217,439	Phụ lục VI
-	Các dự án sử dụng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh	652,550	Phụ lục VII
2.5	Nguồn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất	547,599.53	Phụ lục VIII

Phụ lục II
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án QĐ phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2023	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương				
	TỔNG SỐ		6,134,900	4,381,203	1,334,098	5,786,440	1,987,664			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		90,000	90,000	0	90,000	30,000			
	Dự án nhóm B									
a	Dự án chuyển tiếp									

1	Trường Trung học phổ thông Túc Tranh, huyện Phú Lương	2022 -2025	Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	90,000	90,000	0	90,000	30,000	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
II	Y tế, dân số và gia đình			200,000	130,000	0	130,000	100,000		
	Dự án nhóm B									
a	Dự án chuyển tiếp			200,000	130,000	0	130,000	100,000		
1	Xây dựng mở rộng, nâng cấp Bệnh viện A Thái Nguyên	2022 -2025	Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	200,000	130,000	0	130,000	100,000	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
III	Thể dục, thể thao			466,062	200,000	266,062	200,000	100,000		
a	Dự án chuyển tiếp			466,062	200,000	266,062	200,000	100,000		

1	Xây dựng Sân vận động tỉnh Thái Nguyên	2022 -2025	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; số 179/NQ-HĐND ngày 04/11/2021	466,062	200,000	266,062	200,000	100,000	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			414,599	50,000	15,000	50,000	15,000	0	
	Dự án nhóm B, nhóm C									
a	Dự án chuyển tiếp			414,599	50,000	15,000	50,000	15,000		
1	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	2022 -2025	Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	414,599	50,000	15,000	50,000	15,000	Chi cục Kiểm lâm	
V	Giao thông			4,699,287	3,657,884	1,041,403	3,657,884	1,188,416		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C									
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			4,699,287	3,657,884	1,041,403	3,657,884	1,188,416		

	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			4,699,287	3,657,884	1,041,403	3,657,884	1,188,416		
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00, tỉnh Thái Nguyên	2019-2022	Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; số 396/QĐ-UBND ngày 19/02/2021; số 1793/QĐ-UBND ngày 03/6/2021	218,929	197,060	21,869	197,060	42,592	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
2	Đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (Đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	2022-2025	Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	699,358	345,824	353,534	345,824	145,824	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
3	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	2022-2025	Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	3,781,000	3,115,000	666,000	3,115,000	1,000,000	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
VI	Công nghệ thông tin			149,952	149,952	0	149,952	28,000		

	Dự án nhóm B									
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			149,952	149,952	0	149,952	28,000		
	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</i>			<i>149,952</i>	<i>149,952</i>	<i>0</i>	<i>149,952</i>	<i>28,000</i>		
1	Đầu tư dự án về chuyên đổi số	2022-2024	Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	99,952	99,952	0	99,952	10,000	Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Đầu tư hiện đại hóa kỹ thuật, công nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị, sự nghiệp phát thanh truyền hình tỉnh Thái Nguyên	2022-2024	Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	50,000	50,000	0	50,000	18,000	Đài Phát thanh - truyền hình tỉnh Thái Nguyên	
VII	Xã hội			115,000	103,367	11,633	103,367	73,317		
	Dự án nhóm B									
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			115,000	103,367	11,633	103,367	73,317		

	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			115,000	103,367	11,633	103,367	73,317		
1	Nâng cấp, cải tạo cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên	2022-2024	Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	45,000	33,367	11,633	33,367	23,317	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
2	Dự án Trung tâm điều dưỡng và Phục hồi chức năng tâm thần kinh Thái Nguyên	2022-2023		70,000	70,000	0	70,000	50,000		Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
VIII	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA						1,405,237	452,931		
1	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới						662,870	253,373		Nghị quyết 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững						12,007	3,655		
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						730,360	195,903		

Phụ lục III

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)**

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án QĐ phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch năm 2023				Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Đưa vào cân đối Ngân sách Trung ương	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Đưa vào cân đối Ngân sách Trung ương	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Vay lại - Bồi chi NS tỉnh			
					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								Tổng số
Tổng số	Trong đó: Vốn		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:				
	NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:							Tổng số	Trong đó:		

									Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	TỔNG SỐ:			3,769, 977	1,386,262	93,027	1,210,778		2,383,715	1,088,858	1,294,857	663,592	93,027	570,56 5	459,665	176,13 4	283,531	
A	LĨNH VỰC CẤP, THOÁT NƯỚC			438,54 3	186,054	93,027	93,027		252,489	252,489	0	285,829	93,027	192,80 2	21,967	21,967	0	
<i>I</i>	<i>Dự án hoàn thành, chuyển tiếp</i>			438,54 3	186,054	93,027	93,027		252,489	252,489	0	285,829	93,027	192,80 2	21,967	21,967	0	
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam Thành phố Thái Nguyên	2019- 2023	Quyết định số 1227/QĐ- UBND ngày 27/5/2015	438,54 3	186,054	93,027	93,027	10.846.696 EURO	252,489	252,489	0	285,829	93,027	192,80 2	21,967	21,967	0	Công ty TNHH MTV thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị tỉnh Thái Nguyên
B	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN			160,25 6	23,976	0	23,976		136,280	95,396	40,884	40,396	0	40,396	7,143	5,000	2,143	
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>			160,25 6	23,976	0	23,976		136,280	95,396	40,884	40,396	0	40,396	7,143	5,000	2,143	

2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên	2017-2022	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 ; số 1248/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	160,256	23,976	0	23,976	5.883.710 USD	136,280	95,396	40,884	40,396	0	40,396	7,143	5,000	2,143	Sở Tài Nguyên và Môi trường
C	CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ			2,250,000	967,500	0	967,500		1,282,500	384,750	897,750	337,367	0	337,367	330,555	99,167	231,388	
I	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>			2,250,000	967,500	0	967,500		1,282,500	384,750	897,750	337,367	0	337,367	330,555	99,167	231,388	
3	Phát triển tổng hợp đô thị động lực - thành phố Thái Nguyên	2018-2023	Quyết định số 425/QĐ-TTg 24/3/2021 ; số 875/QĐ-UBND 03/4/2018	2,250,000	967,500	0	967,500	57 triệu USD	1,282,500	384,750	897,750	337,367	0	337,367	330,555	99,167	231,388	UBND thành phố Thái Nguyên
D	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN			921,178	208,732	0	126,275		712,446	356,223	356,223	0	0	0	100,000	50,000	50,000	

I	Dự án khởi công mới			921,178	208,732	0	126,275		712,446	356,223	356,223	0	0	0	100,000	50,000	50,000	
4	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - Tỉnh Thái Nguyên	2022-2025	Quyết định số 580/QĐ-TTg ngày 12/5/2022	921,178	208,732	0	126,275	30,786 triệu USD	712,446	356,223	356,223				100,000	50,000	50,000	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh; Ban quản lý dự án ĐTXD công trình các huyện Đại Từ, Phú Lương, Đông Hy, Định Hóa, Võ Nhai

Phụ lục IV

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án QĐ phê duyệt quyết toán				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến hoạch vốn NSĐP năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSĐP				
	TỔNG SỐ		9,732,147	2,321,649	4,726,108	3,394,961	1,177,005.7			
A	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)		9,732,147	2,321,649	4,726,108	2,014,961	924,809.7			
I	GIAO THÔNG VẬN TẢI		3,329,774	1,725,178	1,528,283	593,503	288,531			
a	Dự án hoàn thành		3,269,274	1,725,178	1,467,783	558,581	288,531			

1	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến ĐT 266 Khu công nghiệp Diềm Thụy	2014-2018	Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 13/6/2014; số 2233/QĐ-UBND ngày 09/10/2014; số 204/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	297,740	0	297,740	28,033	813	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh
2	Đường nối Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình I (đoạn từ nút giao Yên Bình đến Km1+631,8)	2014-2020	Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 19/9/2014; số 1234/QĐ-UBND ngày 27/5/2015; số 843/QĐ-UBND ngày 30/2/2020; số 1422/QĐ-UBND ngày 04/5/2020	345,801	200,000	145,801	37,703	27,124	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh
3	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà	2016-2021	Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 19/2/2021	170,000	121,080	48,920	9,653	6,341	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh

4	Nâng cấp đường Hóa Thượng-Hòa Bình (ĐT 273)	2018-2021	Quyết định số 3295/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; số 395/QĐ-UBND ngày 19/2/2021	125,371	90,000	35,371	25,464	17,296	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh
5	Đường giao thông Tràng Xá-Phương Giao, huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên nối huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	2016-2021	Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 3476/QĐ-UBND ngày 08/11/2017	170,000	121,080	48,920	18,173	11,938	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai
6	Đường Thăng Lợi kéo dài thành phố Sông Công	2016-2021	Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 29/2/2016; số 3480/QĐ-UBND ngày 08/11/2018	206,313	92,478	37,522	15,527	10,200	Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công
7	Đường Na Giang- Khe Rạc-Cao Sơn xã Vũ Chấn đi Cao Biền xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	2016-2021	Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 3492/QĐ-UBND ngày 09/11/2017	102,764	73,480	29,284	13,888	9,603	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai

8	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh)	2020-2022	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND 11/12/2019; Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; Quyết định số 2094/QĐ-UBND 24/6/2021	465,000	70,000	395,000	10,500	8,622	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh
9	Đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội (đoạn tuyến đi trùng Đại lộ Đông-Tây khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt sông Cầu).	2017-2022	Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 20/7/2017; số 3006/QĐ-UBND ngày 29/9/2020; số 397/QĐ-UBND ngày 19/02/2021	966,400	760,000	206,400	205,900	122,639	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh
10	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00, tỉnh Thái Nguyên	2019-2022	Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; số 396/QĐ-UBND ngày 19/02/2021; số 1793/QĐ-UBND ngày 03/6/2021; số 3048/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	218,929	197,060	21,869	20,000	14,206	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

11	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.266 đoạn từ Ngã tư Sông Công (giao Quốc lộ 3 cũ) đến Ngã tư Điem Thụy (giao Quốc lộ 37)	2021-2022	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/3/2021; Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	200,956	0	200,956	173,740	59,749	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
b	Dự án chuyển tiếp			60,500	0	60,500	34,922	0		
1	Nâng cấp, mở rộng đường Gom đoạn từ nút giao Yên Bình đến Khu công nghiệp Yên Bình (Km0-Km2+100)	2022-2024	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	60,500	0	60,500	34,922	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	Năm 2023 được bố trí bằng nguồn Thu tiền sử dụng đất
II	HỖ TRỢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			500,535	0	500,535	151,000	54,000		
III	HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 57/NĐ-CP; NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2019/NQ-HĐND NGÀY 23/7/2019 CỦA HĐND TỈNH THÁI NGUYÊN			125,000	0	125,000	50,000	5,000		
IV	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP			758,081	386,025	272,056	166,067	84,465		

a	Các dự án hoàn thành đã quyết toán			210,533	139,960	70,573	28,481	15,144		
1	Sửa chữa, nâng cấp đập Pác Tác, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	2011-2017	Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	27,092	0	27,092	2,584	2,584	Chi cục Thủy lợi	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê Mỏ Bạch kết hợp làm đường giao thông vào trường Đại học Nông Lâm và Trung tâm KTX Sinh viên Đại học Thái Nguyên	2013-2016	Quyết định số 3934/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	75,441	59,960	15,481	1,174	1,174	Chi cục Thủy lợi	
3	Dự án Xử lý cấp bách đê tả Công đoạn từ K2+000-K5+000	2020-2023	Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	25,000	20,000	5,000	5,000	2,500	Chi cục Thủy lợi	
4	Dự án Kè đê Chã K5+050-K5+450	2020-2023	Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	45,000	35,000	10,000	10,000	5,000	Chi cục Thủy lợi	
5	Xây dựng Khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở bờ sông và ngập úng xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	2019-2021	Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 12/10/2017; số 3341/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; số 3761/QĐ-UBND ngày 20/11/2019; số 2141/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	38,000	25,000	13,000	9,723	3,886	Chi cục Phát triển Nông thôn	
b	Các dự án hoàn thành			302,548	181,065	121,483	57,586	42,604		

1	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chã, huyện Phở Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100)	2014-2022	Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 25/10/2013; số 3497/QĐ-UBND ngày 09/11/2017	147,241	89,641	57,600	15,471	10,337	Chi cục Thủy lợi
2	Đường cứu hộ, cứu nạn đê Sông Công đoạn từ Quốc lộ 3 (K35+350) đến đê Sông Công (K4+900), thị xã Phở Yên	2017-2022	Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	16,088	0	16,088	9,688	6,970	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh
3	Hồ chứa nước Vân Hán, xã Vân Hán, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	2016-2022	Quyết định số 4405/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	123,100	77,424	45,676	30,308	23,557	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh
4	Khu tái định cư xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ	2015-2022	Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 27/10/2014	16,119	14,000	2,119	2,119	1,740	Chi cục Phát triển Nông thôn
c	Dự án chuyển tiếp			80,000	65,000	15,000	15,000	7,317	

1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Thái Nguyên	2020-2024	Quyết định số 4122/QĐ-BNN-TCTL ngày 30/10/2019	80,000	65,000	15,000	15,000	7,317	Chi cục Thủy lợi	
d	Dự án khởi công mới			165,000	0	65,000	65,000	19,400		
1	Sửa chữa, khắc phục Kè Soi Quýt xã Tiên Phong, thị xã Phô Yên	2023-2024	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	15,000	0	15,000	15,000	4,400	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	
2	Cải tạo, nâng cấp các hồ đập trên địa bàn	2023-2024	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	150,000	0	50,000	50,000	15,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	
V	Y TẾ			364,231	76,603	156,428	140,292	46,731		
a	Dự án hoàn thành			69,506	23,078	46,428	30,292	18,231		

1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm pháp y	2016-2021	Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; số 3483/QĐ-UBND ngày 08/11/2017	69,506	23,078	46,428	30,292	18,231	Trung Tâm pháp y	
b	Dự án chuyển tiếp			266,725	53,525	85,000	85,000	21,000		
1	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn I)	2021-2025	Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; số 930/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	266,725	53,525	85,000	85,000	21,000	Bệnh viện Y học cổ truyền	
c	Dự án khởi công mới			28,000	0	25,000	25,000	7,500		
1	Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần Thái Nguyên	2022-2024	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	28,000	0	25,000	25,000	7,500	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
VI	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			277,418	16,028	222,332	147,775	82,010		
a	Các dự án hoàn thành đã quyết toán			35,585	0	11,527	1,799	1,799		
2	Mở rộng, hoàn thiện CSVCS Trường THPT Trần Quốc Tuấn (giai đoạn II)	2018-2020	Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 30/10/2010	35,585	0	11,527	1,799	1,799	Sở Giáo dục và Đào tạo	

b	Dự án hoàn thành			211,833	16,028	180,805	115,976	71,211		
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Định Hóa tỉnh Thái Nguyên	2016-2020	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	63,697	16,028	47,669	15,102	4,002	Sở Giáo dục và Đào tạo	
2	Xây dựng Trường THPT Lý Nam Đế, thị xã Phổ Yên	2018-2022	Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; số 3357/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	49,536	0	49,536	23,253	18,683	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên	
3	Xây dựng Trường THPT Đội Cấn, huyện Đại từ	2019-2023	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	98,600	0	83,600	77,621	48,526	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
c	Dự án khởi công mới			30,000	0	30,000	30,000	9,000		
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 2)	2023-2025	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	30,000	0	30,000	30,000	9,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
VII	VĂN HÓA THỂ THAO, DU LỊCH			178,434	24,788	128,646	124,193	63,952		

a	Dự án hoàn thành			83,453	24,788	58,665	54,212	42,052		
1	Đền Lục Giáp, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên	2018-2022	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 06/3/2018	23,453		23,453	19,000	13,138	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Lý Nam Đế xã Tiên Phong-huyện Phổ Yên- tỉnh Thái Nguyên	2019-2023	Quyết định số 2279/QĐ-UBND 7/9/2016	60,000	24,788	35,212	35,212	28,914	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
b	Dự án chuyển tiếp			40,000	0	20,000	20,000	6,900		
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà trưng niệam Chủ tịch Hồ Chí Minh, (ATK Định Hóa), xã Phú Đình, huyện Định Hóa	2022-2024	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	40,000	0	20,000	20,000	6,900	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
c	Dự án khởi công mới			54,981	0	49,981	49,981	15,000		
1	Tu bổ di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia Đình Xuân La, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	2022-2024	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	15,000	0	10,000	10,000	3,000	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu thể thao Thái Nguyên	2022-2024	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	39,981	0	39,981	39,981	12,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	

VIII	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ			14,870	0	14,870	14,870	4,500		
a	Dự án khởi công mới									
1	Xây dựng Hồ sơ cố kết hợp hồ sinh học cho hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên	2022-2024	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	14,870	0	14,870	14,870	4,500	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị	
IX	ĐỐI ỨNG ODA			2,831,244	93,027	527,398	246,685	127,434		
a	Dự án hoàn thành			1,471,523	0	308,095	29,658	14,434		
1	Dự án Hệ thống Thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Thái Nguyên	2011-2021	Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 11/11/2016; số 2303/QĐ-UBND ngày 11/10/2012; số 2851/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	950,488	0	252,717	9,200	9,200	Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên	

2	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên	2016-2022	Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; số 4037/QĐ-UBND ngày 16/12/2019; số 1322/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	233,204	0	24,879	6,915	815	Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Thái Nguyên	2017-2022	Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; số 580/QĐ-UBND ngày 04/3/2021	127,575	0	6,523	2,068	678	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn
4	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên"	2017-2022	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016; số 1248/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	160,256	0	23,976	11,475	3,741	Sở Tài nguyên và Môi trường
b	Dự án chuyển tiếp			438,543	93,027	93,028	90,752	63,000	
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố Thái Nguyên	2019-2023	Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	438,543	93,027	93,028	90,752	63,000	Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên

c	Dự án chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án			921,178	0	126,275	126,275	50,000		
1	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - Tỉnh Thái Nguyên	2022-2025	Quyết định số 580/QĐ-TTg ngày 12/5/2022	921,178	0	126,275	126,275	50,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	
X	THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG			4,500	0	4,500	4,500	3,306		
b	Các dự án chuyển tiếp			4,500	0	4,500	4,500	3,306		
1	Xây dựng hệ thống thông tin các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	2022-2024	Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 21/6/2021	4,500	0	4,500	4,500	3,306	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
XI	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			859,177	0	845,177	159,285	109,226.7		
a	Dự án hoàn thành			444,177	0	430,177	60,673	24,614.7		
1	Nhà đa chức năng của UBND tỉnh Thái Nguyên	2017-2020	Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	185,000	0	185,000	19,480	1,705	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	

2	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đồng Hỷ và các công trình phụ trợ	2019-2022	Quyết định số 3121a/QĐ-UBND ngày 11/10/201; số 3924/QĐ-UBND ngày 04/12/2019	227,700	0	227,700	27,700	13,850	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đồng Hỷ
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên	2020-2022	Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	14,497.7	0	497.7	497.7	497.7	Sở Giao thông Vận tải
4	Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ	2021-2023	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 11/6/2021; Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	16,979	0	16,979	12,995	8,562	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b	Dự án khởi công mới			415,000	0	415,000	98,612	84,612	
1	Nhà đa năng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	10,000	0	10,000	10,000	3,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh

2	Xây dựng trụ sở làm việc khỏi các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	Nghị quyết số 77/NQ- HĐND ngày 21/6/2021	405,000	0	405,000	88,612	81,612	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
XII	AN NINH QUỐC PHÒNG			319,414	0	261,414	87,321	27,154		
a	Dự án hoàn thành			279,414	0	221,414	47,321	15,154		
1	Đồn Công an và Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Khu công nghiệp Yên Bình	2016-2021	Quyết định số 604/QĐ- UBND ngày 28/3/2016	75,786	0	72,786	20,253	8,829	Công an tỉnh	
2	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thái Nguyên	2015-2022	Quyết định số 291/QĐ-H41- H45 ngày 31/12/2014	122,570	0	122,570	6,006	1,900	Công an tỉnh	
3	Di chuyển Đại đội kho C29 (ngân sách địa phương thực hiện giải phóng mặt bằng)	2021-2023	Quyết định số 2999/QĐ- BQP ngày 06/9/2021	74,562	0	19,562	19,562	2,925	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
4	Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự thị xã Phổ Yên - Giai đoạn 3	2020-2023	Quyết định số 3454/QĐ- UBND ngày 29/10/2020	6,496	0	6,496	1,500	1,500	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	

b	Dự án khởi công mới			40,000	0	40,000	40,000	12,000		
1	Xây dựng trụ sở, nơi làm việc Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, giai đoạn 2021-2025	2023-2025	Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	40,000	0	40,000	40,000	12,000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
XIII	HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VÀ BỔ SUNG CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH			103,858	0	73,858	73,858	16,000		
1	Đầu tư các hạng mục công trình tại cơ sở 1 và cơ sở 2 của Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên (tính đối ứng)	2021-2025	Quyết định số 2598/QĐ-TLĐLD ngày 17/5/2021	35,000		5,000	5,000	5,000	Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên	
2	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	2021-2025	Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	14,858	0	14,858	14,858	3,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
3	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	2021-2025	Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 11/8/2021; Quyết định số 3901/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	14,000	0	14,000	14,000	3,000	Hội Nông dân tỉnh	

4	Quỹ phát triển hợp tác xã	2021-2025	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 23/3/2021; Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	40,000	0	40,000	40,000	5,000	Liên minh hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên	
XIV	QUY HOẠCH TỈNH			65,612	0	65,612	55,612	2,500		
1	Dự án quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022	Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	65,612	0	65,612	55,612	2,500	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
XV	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							10,000		
B	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG (PHÂN CẤP CHO HUYỆN)						1,380,000	252,196		
B1	PHÂN CẤP CHO UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ						1,280,000	210,000		Bổ sung 180 tỷ theo Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 31/3/2022
1	Thành phố Thái Nguyên						155,079	28,651	Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên	
2	Thành phố Sông Công						105,560	16,334	Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công	

3	Thành phố Phổ Yên						220,975	23,095	Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên	
4	Huyện Đại Từ						162,274	28,116	Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ	
5	Huyện Phú Bình						141,676	23,230	Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình	
6	Huyện Phú Lương						118,612	21,689	Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương	
7	Huyện Đồng Hỷ						128,781	23,631	Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ	
8	Huyện Định Hóa						128,781	23,631	Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	
9	Huyện Võ Nhai						118,262	21,623	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	
B2	CHI TIẾT PHẦN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ (Đổi ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững; phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số)						100,000	42,196		
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững						1,801	548		

2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						76,517	41,648		
3	Phân bổ chi tiết sau						21,682	0		

Phụ lục V

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: XỔ SỐ KIẾN THIẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian Khởi công - hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/ QĐ phê duyệt quyết toán			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn xổ số kiến thiết				
	TỔNG SỐ			598,953	41,000	41,000	13,000		
A	Đầu tư các công trình thuộc lĩnh vực GDĐT			98,600	15,000	15,000	7,000		
	<i>Các dự án lĩnh vực GDĐT cấp tỉnh quản lý</i>			98,600	15,000	15,000	7,000		

<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			98,600	15,000	15,000	7,000		
1	Xây dựng Trường Trung học phổ thông Đội Cán, huyện Đại Từ	2019-2023	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	98,600	15,000	15,000	7,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
B	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới			500,353	26,000	26,000	6,000		

Phụ lục VI

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công-hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/ QĐ phê duyệt quyết toán				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến hoạch đầu tư công năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP				
	TỔNG SỐ:		861,188	87,521	599,049	372,278	217,439			
	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP ĐANG THỰC HIỆN		861,188	87,521	599,049	372,278	217,439			

1	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thái Nguyên	2015-2023	Quyết định số 291/QĐ-H41-H45 ngày 31/12/2014	122,570	0	122,570	28,757	15,242	Công an tỉnh	
2	Đường du lịch ven hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc- Nam (3km đường + xây mới 2 cầu)		Quyết định số 973a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	123,000	87,521	35,479	23,243	17,319	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3	Dự án cải tạo căn cứ chiến đấu 1, xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	2021-2023	Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	30,000	0	30,000	29,800	12,243	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
4	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự cấp xã năm 2021	2021-2023	Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 25/9/2021	33,500	0	33,500	33,500	9,805	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
5	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Ngã tư Thanh Xuyên đi đê Chã, thị xã Phổ Yên	2021-2023	Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	70,000	0	21,000	20,800	16,271	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên	

6	Dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi tổ dân phố Kim Thái, Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên	2021-2023	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	49,618	0	15,000	14,900	11,656	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên
7	Dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ (Ngã tư Nam Tiến) đi trung tâm văn hóa xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên	2021-2023	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	70,000	0	21,000	20,800	16,271	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên
8	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi Viện Quân y 91, thị xã Phổ Yên	2021-2023	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	50,000	0	15,000	14,900	11,656	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên
9	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ vành đai V vùng thủ đô Hà Nội đi Khu di tích Lý Nam Đế, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên (đoạn tuyến từ đường Vành đai V vùng Thủ đô mở mới về phía Nam đến khu Chùa Hương Ấp)	2021-2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	120,000	0	120,000	35,000	27,380	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên

10	Xây dựng, mở rộng, tôn tạo di tích "Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, xã La Bằng huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên"	2022-2024	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 21/6/2021	22,000	0	15,000	15,000	7,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đại Từ
11	Nâng cấp, mở rộng đường Gom đoạn từ nút giao Yên Bình đến Khu công nghiệp Yên Bình (Km0-Km2+100)	2022-2024	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	60,500	0	60,500	25,578	5,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh
12	Trụ sở tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên	2022-2024	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND 19/5/2021; Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 23/9/2021	20,000	0	20,000	20,000	15,596	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh
13	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh và một số cơ quan	2022-2024	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND 19/5/2021; Quyết định số 3897/QĐ-UBND 06/12/2021	90,000	0	90,000	90,000	52,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh

Phụ lục VII
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/ QĐ phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn TTSDĐ và SXLND còn lại giai đoạn 2024-2025	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh		Tổng số	Trong đó: Riêng năm 2022				
	TỔNG SỐ			3,467,167	2,381,095	2,212,933	117,834	117,834	652,550	1,442,549		
A	GIAO THÔNG			1,162,776	1,082,276	914,114	17,534	17,534	216,000	680,580		
I	Dự án chuyển tiếp			465,000	384,500	384,500	17,534	17,534	79,000	287,966		
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh)	2020-2022		465,000	384,500	384,500	17,534	17,534	79,000	287,966	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	

II	Dự án khởi công mới			697,776	697,776	529,614	400	400	137,000	392,214		
1	Đường nối QL3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình đoạn từ Km3+516,9 đến Km5+434,18 và ĐT 261- giai đoạn II	2022-2025	Nghị quyết số 15/1NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	82,282	82,282	82,282	0	0	25,000	57,282	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	2023-2025	Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	392,729	392,729	224,567	200	200	56,000	168,367	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
3	Dự án: Tuyến đường kết nối QL37 và đường ĐT269B, tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	222,765	222,765	222,765	200	200	56,000	166,565	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
B	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			506,452	417,840	417,840	150	150	111,450	306,240		
I	Dự án khởi công mới			506,452	417,840	417,840	150	150	111,450	306,240		
1	Trụ sở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Các chi cục trực thuộc	2023-2024	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/5/2021	64,452	64,452	64,452	100	100	20,000	44,352	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
2	Xây dựng mới Nhà làm việc, nhà hội trường 250 chỗ của Sở Y tế và Chi cục dân số Kế hoạch hóa gia đình	2023-2025	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	37,000	37,000	37,000	50	50	11,450	25,500	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	

3	Xây dựng trụ sở làm việc khỏi các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	Nghị quyết số 77/NQ- HĐND ngày 21/6/2021	405,000	316,388	316,388	0	0	80,000	236,388	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
C	VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH			637,864	437,864	437,864	100,100	100,100	131,500	206,264		
I	Dự án chuyển tiếp			466,062	266,062	266,062	100,000	100,000	80,000	86,062		
1	Xây dựng Sân vận động Thái Nguyên	2022-2025	Nghị quyết số 179/NQ- HĐND ngày 04/11/2021	466,062	266,062	266,062	200	0	80,000	186,062	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
II	Dự án Khởi công mới			171,802	171,802	171,802	100	100	51,500	120,202		
1	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao và Trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao	2023-2025	Nghị quyết số 162/NQ- HĐND ngày 12/8/2021	120,000	120,000	120,000	100	100	35,500	84,400	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
2	Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10 phụ nữ tỉnh Thái Nguyên	2023-2025		51,802	51,802	51,802	0	0	16,000	35,802		
D	HỖ TRỢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			500,535	323,535	323,535	0	0	157,600	165,935		

E	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			20,000	20,000	20,000	50	50	6,000	13,950		
I	Dự án Khởi công mới			20,000	20,000	20,000	50	50	6,000	13,950		
1	Dự án phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025	2023-2025	Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	20,000	20,000	20,000	50	50	6,000	13,950	Sở Thông tin và Truyền thông	
F	AN NINH - QUỐC PHÒNG			639,540	99,580	99,580	0	0	30,000	69,580		
1	Đề án “Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Công an xã, thị trấn”		Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	639,540			0	0		0	Công an tỉnh	
	Dự án Trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn giai đoạn 2021-2025	2023-2025		99,580	99,580	99,580	0	0	30,000	69,580	Công an tỉnh	

Phụ lục VIII

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
TỪ NGUỒN THU TIỀN THUÊ ĐẤT CÓ CƠ SỞ HẠ TẦNG TRẢ NỘP MỘT LẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ
VỐN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2023	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			NSTW	NSDP (NSNN và các nguồn vốn khác)					
	TỔNG SỐ:		4,289,444	120,000	4,169,444	903,700	547,599.53		
I	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021		4,268,444	120,000	4,148,444	882,700	526,899.53	Ban quản lý các Khu công nghiệp	
1	Dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Đầm Thụy phần diện tích 180ha - Khu A	Quyết định số 2638/QĐ UBND ngày 24/10/2011	1,416,954	120,000	1,296,954	138,995	120,000	Ban quản lý các Khu công nghiệp	

2	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư và nhà ở công nhân khu công nghiệp Đầm Thụy (Phần diện tích 180 ha).	Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 20/8/2013	198,337	0	198,337	165,384	48,133	Ban quản lý các Khu công nghiệp
3	Dự án: Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân tại xóm Hắng, xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên phục vụ Khu công nghiệp Đầm Thụy phần diện tích 180ha	Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	202,380	0	202,380	102,697	86,330	Ban quản lý các Khu công nghiệp
4	Dự án Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội – Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường ĐT266 (đoạn Km3 ÷ Km4+725,87)	Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	76,833	0	76,833	69	69	Ban quản lý các Khu công nghiệp
5	Mương thoát nước ngập úng cho khu vực ngoài Quy hoạch Khu công nghiệp Đầm Thụy (DT 180 ha)	Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 06/10/2014	14,038	0	14,038	1,966	1,966	Ban quản lý các Khu công nghiệp
6	San nền tạo khuôn viên cây xanh và cảnh quan khu vực xen kẽ giữa đường Gom vào Khu công nghiệp Yên Bình và Quốc lộ 3 mới	Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	14,797	0	14,797	280	280	Ban quản lý các Khu công nghiệp
7	Xây dựng bổ sung đường dây điện và trạm cắt 35KV cấp điện tạm thời 14 nhà máy	Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 05/12/2014	2,438	0	2,438	253	253	Ban quản lý các Khu công nghiệp
8	Đường 36m nối Khu công nghiệp Sông Công II với QL.3 cũ và nút giao Sông Công	Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	264,564	0	264,564	34,731	34,731	Ban quản lý các Khu công nghiệp

9	Dự án Xây dựng Khu công nghiệp Sông Công II - diện tích 250ha	Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 25/4/2017, số 3626/QĐ-UBND ngày 07/11/2019	1,757,775	0	1,757,775	252,723	102,150.53	Ban quản lý các Khu công nghiệp
10	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Sông Công II	Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	320,328	0	320,328	185,602	132,987	Ban quản lý các Khu công nghiệp
II	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025		21,000	0	21,000	21,000	20,700	
1	Xây dựng hoàn trả đường Nguyễn Văn Cừ đoạn tránh Khu công nghiệp Sông Công II	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19/5/2021	21,000	0	21,000	21,000	20,700	Ban quản lý các Khu công nghiệp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên từ nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2022 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên từ nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu

a) Cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025 nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn điều lệ theo Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (viết tắt là Nghị định số 147/2020/NĐ-CP).

b) Nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn hoạt động, gia tăng hạn mức đầu tư và cho vay đối với các dự án quan trọng, thiết yếu thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay; cải thiện tính thanh khoản và khả năng tự chủ về tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên. Đảm bảo quản lý nguồn vốn an toàn, tăng trưởng tốt, không có nợ xấu, nợ khó đòi, giúp tăng thu ngân sách, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Cơ cấu nguồn vốn cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh giai đoạn 2022 - 2025

a) Giai đoạn 2022 - 2024: Vốn cấp, bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 7; khoản 1 Điều 43 và Điều 53 của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP: 200 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh.

b) Năm 2025: Bổ sung vốn điều lệ từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quy mô, hình thức đầu tư

Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chức năng cho vay và đầu tư theo quy định. Quy mô và hình thức đầu tư trong giai đoạn 2022 - 2025, cụ thể như sau:

a) Hoạt động đầu tư dự án: Triển khai thực hiện đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu dân cư thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay theo quy định. Số vốn đầu tư vào các dự án được thực hiện cuốn chiếu, đồng bộ, dứt điểm, bảo đảm việc thu hồi vốn để tái đầu tư và sử dụng vốn hiệu quả.

b) Hoạt động cho vay đầu tư: Quỹ cho vay, cho vay hợp vốn dự kiến từ 05 - 10 dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay theo quy định.

c) Hoạt động góp vốn thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn: Thực hiện đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn từ 01 - 02 dự án để đầu tư xây dựng hạ tầng các khu đô thị, khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ theo quy định, bổ sung nguồn thu cho Quỹ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Hoạt động huy động vốn: Huy động vốn tại các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Giải pháp thực hiện

a) Tập trung đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu dân cư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

b) Tiếp tục theo dõi, tăng cường công tác đôn đốc thu hồi nợ gốc, lãi vay đến hạn tại các đơn vị và tổ chức, doanh nghiệp.

c) Nghiên cứu, tìm kiếm thêm các đối tượng thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh để thực hiện đầu tư theo các dự án, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật.

d) Tìm kiếm các nguồn vốn có lãi suất thấp từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện huy động vốn theo quy định.

đ) Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý các Quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

e) Xây dựng cơ chế về nguồn thu từ kết quả hoạt động đầu tư dự án để bổ sung chi phí hoạt động, chi phí bảo toàn phát triển vốn Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Tán thành chủ trương nhập thị trấn Quân Chu và xã Quân Chu để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua dự thảo Đề án nhập thị trấn Quân Chu và xã Quân Chu để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương nhập thị trấn Quân Chu và xã Quân Chu để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định nhập thị trấn Quân Chu và xã Quân Chu để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, mở rộng, tôn tạo di tích “Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên”

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1284/BVHTTDL-DSVH ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thẩm định Dự án tu bổ, tôn tạo di tích “Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936” huyện Đại Từ, Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, mở rộng, tôn tạo di tích “Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên”;

Xét Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, mở rộng, tôn tạo di tích “Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, mở rộng, tôn tạo di tích “Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên”, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh quy mô xây dựng tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, mở rộng, tôn tạo di tích “Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên”.

- Mở rộng, tôn tạo công trình gồm các hạng mục chính: Cải tạo, sửa chữa nhà truyền thống, sa bàn, bia di tích, bia ghi danh; phục dựng nhà ông Đường Văn Hon; mở rộng đường giao thông khu vực di tích (đường liên xã); cổng, sân, hàng rào và các hạng mục trong khuôn viên di tích (trồng cây xanh; vườn; sân hành lễ,...).

- Xây mới các hạng mục: Nhà đón tiếp - sinh hoạt cộng đồng; nhà vệ sinh công cộng; bãi đỗ xe.

- Hoàn thiện hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy và một số hạng mục phụ trợ khác (mương thoát nước, giếng khoan; san nền, đường giao thông nội khu,...).

2. Các nội dung khác: Giữ nguyên như Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, mở rộng, tôn tạo di tích “Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và chuyển loại rừng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số

207/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách

Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và chuyển loại rừng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

1. Không thực hiện chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu thể thao và dịch vụ xóm Góc Mít, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung phạm vi, ranh giới, diện tích chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đối với dự án Khu dân cư nông thôn xóm Bãi Bằng, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất là rừng trồng sang mục đích khác để thực hiện 07 dự án:

1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất là rừng trồng để thực hiện 03 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa xác định diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2. Chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất là rừng trồng để thực hiện 04 dự án đang đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy

định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

**KHÔNG THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỐI VỚI DỰ ÁN KHU THỂ THAO VÀ
DỊCH VỤ XÓM GỐC MÍT, XÃ TÂN THÁI, HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI
NGUYÊN**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 40/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên dự án, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyển mục đích sử dụng rừng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng				Loại rừng
		Tổng diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	
1	Dự án khu thể thao và dịch vụ xóm Góc Mít, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	23,29	1	12	152	Rừng trồng sản xuất (cây keo)
			3	13		
Tổng cộng		23,29				

Phụ lục II

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHẠM VI, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH DỰ ÁN KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN
XÓM BÃI BẰNG, XÃ TÂN THÁI, HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 40/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Nội dung tại thứ tự 6, phụ lục I kèm theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND					Nay điều chỉnh lại như sau						
	Tên dự án, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyển mục đích sử dụng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng			Loại rừng	Tên dự án, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyển mục đích sử dụng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng			Loại rừng		
		Tổng diện tích (ha)	Lô	Khoảnh			Tiểu khu	Tổng diện tích (ha)	Lô		Khoảnh	Tiểu khu
1	Dự án Khu dân cư nông thôn xóm Bãi Bằng, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	28,68	3	9	152	Rừng sản xuất (cây keo, bạch đàn)	Dự án Khu dân cư nông thôn xóm Bãi Bằng, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	28,94	3	9	152	Rừng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
1	12		1	12								
3	13		3	13								

Phụ lục III
CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

*(Kèm theo Nghị quyết số: 40/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên dự án, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyển mục đích sử dụng rừng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng				Loại rừng
		Tổng diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	
1	Dự án Xây dựng một số hạng mục phục vụ diễn tập phòng thủ tại căn cứ chiến đấu 02 thành phố Thái Nguyên tại xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	1,20	1	6	214	Rừng trồng sản xuất (cây keo)
			1	9		
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình và phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	0,07	8	2	255	Rừng trồng sản xuất (cây keo)
3	Dự án tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 và đường tỉnh ĐT.269B, xã Tân Thành, xã Tân Kim, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	0,52	1, 2	1	253	Rừng trồng sản xuất (cây keo)
Tổng cộng		1,79				

Phụ lục IV
CÁC DỰ ÁN CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

*(Kèm theo Nghị quyết số: 40/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên dự án, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyển mục đích sử dụng rừng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng				Loại rừng
		Tổng diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	
1	Dự án khu đô thị Hồng Tiến (Khu nhà ở đường 47m), phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	0,56	3	6	228	Rừng trồng sản xuất (cây keo)
			4	4	255	
2	Dự án khu đô thị hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc, xã Bình Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	0,11	3	2	221A	Rừng trồng sản xuất (cây keo)
3	Dự án Khu thể thao sân gôn Tân Thái, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	47,12	3	9	152	Rừng trồng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
			1	12		
			3	13		
4	Dự án Khu dân cư nông thôn xóm Góc Mít, xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	2,27	2	12	152	Rừng trồng sản xuất (cây keo)
			3	13		
			1	15		
Tổng cộng		50,06				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025. Cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2025 bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh, trong đó một số nghề tiếp cận trình độ cấp quốc gia và các nước ASEAN-4; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32%.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Phần đầu thu hút 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và 45% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới;

b) Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho 25% lực lượng lao động;

c) Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 45%; củng cố, nâng cao năng lực đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt để đào tạo cho người dân tộc thiểu số học nội trú;

d) Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 35%;

đ) Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 80%;

e) Ít nhất 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 50% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng;

g) Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại. Phần đầu 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia;

h) Phần đầu 01 trường cao đẳng của tỉnh đạt chất lượng cao, trong đó có những ngành, nghề trọng điểm và có năng lực cạnh tranh.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

Tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề, chú trọng đào tạo nghề cho người lao động tại nơi làm việc; thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân lực về giáo dục

nghề nghiệp, chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, đồng thời bảo đảm yêu tố bình đẳng giới.

Xây dựng chính sách thu hút người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, ngành nghề ưu tiên đào tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chính sách đối với người học thuộc các đối tượng đặc thù.

Sắp xếp, tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, dễ tiếp cận, đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức; phân bổ hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp nhất là nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp, tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp ở những địa bàn, ngành, nghề phù hợp. Đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên. Nâng cao trách nhiệm, tính tự chủ, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan quản lý các cấp. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm định, đánh giá và công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo khung bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp quốc gia; chương trình đào tạo thuộc các lĩnh vực, ngành, nghề đặc thù.

2. Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

Nâng cao nhận thức và năng lực chuyển đổi số về giáo dục nghề nghiệp; phát triển đồng bộ hạ tầng số của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở cấp tỉnh, địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; ứng dụng hiệu quả các nền tảng số trong giáo dục nghề nghiệp; tăng cường gắn kết hoạt động đào tạo nghề nghiệp với doanh nghiệp; hưởng ứng có hiệu quả mô hình “nhà trường thông minh, hiện đại”, “nhà trường xanh”; phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, triển khai chương trình đào tạo các ngành nghề mới, ngành nghề công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng dành cho tương lai.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong phương thức tổ chức đào tạo; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động, đào tạo cho lao động di cư; xây dựng và đổi mới các chương trình giáo dục nghề nghiệp; tham gia

các hoạt động thí điểm, đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá, công nhận kỹ năng, trình độ của người học, người lao động; triển khai chương trình giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất, bình đẳng giới, hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và cá thể hóa người học.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp

Xây dựng và triển khai kế hoạch hằng năm về đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho nhà giáo; đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo; phát triển đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các trình độ của giáo dục nghề nghiệp; triển khai hiệu quả mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp; chuẩn hóa cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số; định kỳ, thường xuyên cử cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp các cấp được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

4. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động

Triển khai cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, nhà trường, nhà doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội; triển khai thực hiện các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm; đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua nâng cao năng lực cung cấp thông tin về cung, cầu đào tạo nghề nghiệp; đẩy mạnh dự báo nhu cầu đào tạo nghề nghiệp; khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin thị trường lao động quốc gia; tăng cường các hoạt động khởi nghiệp, giải quyết việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp

đồng;

đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực của tỉnh đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đào tạo lại để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động; thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi kỹ năng nghề ở cấp tỉnh, cấp cơ sở, tham gia có chất lượng các kỳ thi kỹ năng nghề cấp quốc gia.

5. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp; tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đẩy mạnh thực hiện nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với nhà trường và doanh nghiệp; đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm; tham gia tích cực không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp giáo dục nghề nghiệp.

6. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp

Bổ trí tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp hằng năm; lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện công tác đào tạo nghề trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh; đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức quốc tế đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt đào tạo cho người dân tộc thiểu số; ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh để tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách và các đối tượng đặc thù khi sử dụng

dịch vụ giáo dục nghề nghiệp; triển khai thực hiện cơ chế Nhà nước đầu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

7. Truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp

Tích cực hưởng ứng, tham gia hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở đào tạo,

người học, người sử dụng lao động và cộng đồng xã hội; đa dạng hóa các hoạt động truyền thông về giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông; tổ chức và tham gia các chương trình, sự kiện nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy nghề, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, lao động có kỹ năng, các tổ chức có nhiều thành tích, đóng góp cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề; định hướng các thông tin trên mạng xã hội bảo đảm thống nhất trong các hoạt động về giáo dục nghề nghiệp.

8. Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực

Đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo, đào tạo lại cho người lao động; xác định danh mục các ngành, nghề cần đào tạo, đào tạo lại trên địa bàn tỉnh; triển khai học liệu dùng chung cho các chương trình đào tạo để chia sẻ giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp gắn với thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp; triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại; triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời cơ chế, chính sách về giáo dục nghề nghiệp cho người lao động; thực hiện đào tạo nghề nghiệp cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp, người khuyết tật, lao động nông thôn, lao động nữ và các đối tượng đặc thù khác; triển khai các chương trình mục tiêu, đề án, dự án do Trung ương ban hành phù hợp với yêu cầu thực tiễn của tỉnh; tăng cường đào tạo các kỹ năng công nghệ thông tin cho người lao động.

9. Tăng cường thực hiện kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tăng cường nhận thức về công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp để cộng đồng xã hội hiểu và cùng hỗ trợ, tham gia thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tổ chức bồi dưỡng đội ngũ làm công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp để đảm bảo đủ năng lực tư vấn, giúp đỡ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong các hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo còn thiếu và các tiêu chí để hoàn thiện đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Phát triển 01 trường cao đẳng của tỉnh đạt các tiêu chí theo quy định để trở thành trường cao đẳng chất lượng cao vào năm 2025; nâng cao năng lực đào tạo của Trường Trung cấp Dân tộc nội trú tỉnh Thái Nguyên để đào tạo nghề chuyên biệt cho đối tượng là người dân tộc thiểu số và các đối tượng đặc thù khác.

10. Nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp

Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tỉnh bạn ở nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh đàm phán, ký kết, triển khai các thỏa thuận, chương trình hợp tác với đối tác nước ngoài, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn tỉnh trong việc hỗ trợ cơ sở

giáo dục nghề nghiệp, học sinh, sinh viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; tích cực tham gia các cuộc thi, tổ chức, diễn đàn, hiệp hội có yếu tố nước ngoài về giáo dục nghề nghiệp, các hoạt động giao lưu văn hóa, thể dục thể thao giữa học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước, khu vực và quốc tế; tăng cường hợp tác và huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn viện trợ phi Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; tích cực hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài, đặc biệt trong việc tiếp nhận chuyển giao chương trình, giáo trình, học liệu, phương pháp giảng dạy và học tập; trao đổi giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên, chuyên gia quốc tế.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn vốn lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình, kế hoạch, dự án khác.

3. Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

4. Huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ tư và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỶ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên năm 2022;

Sau khi nghe Báo cáo số 69/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ tư và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Xét Tờ trình số 73/TTr-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ tư và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Báo cáo kết quả giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ tư và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1. Kết quả đạt được

Kỳ họp thứ tư và Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh có tổng số 104 ý kiến, kiến nghị của cử tri. Sau khi tổng hợp và phân loại, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định có 106 ý kiến, kiến nghị của cử tri. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp thu, giải quyết và trả lời 100% ý kiến, kiến nghị của cử tri. Thống nhất chuyên 09 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương; 01 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 07 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện; số ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền cấp tỉnh cần xem xét, giải quyết là 89 ý kiến, kiến nghị. Trong số 89 ý kiến thuộc thẩm quyền cấp tỉnh có 18/89 ý kiến, kiến nghị của cử tri đã giải quyết xong, đạt tỷ lệ 20,22%; 27/89 ý kiến, kiến nghị giải trình, thông tin với cử tri, đạt tỷ lệ 30,34%; 44/89 ý kiến, kiến nghị đang giải quyết, chiếm tỷ lệ 49,44%. Nhìn chung, việc tiếp nhận, giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri đã được thực hiện đúng quy định; nội dung trả lời cơ bản đầy đủ; một số kiến nghị đã được xem xét, giải quyết dứt điểm hoặc thông tin giải trình kịp thời, đáp ứng nguyện vọng của cử tri.

2. Hạn chế

- Việc tổng hợp, phân loại một số ý kiến, kiến nghị của cử tri còn chưa cụ thể và chưa đúng thẩm quyền giải quyết.

- Một số ý kiến, kiến nghị của cử tri chưa được giải quyết dứt điểm hoặc chưa xác định rõ lộ trình, tiến độ thời gian giải quyết; có ý kiến trả lời chưa rõ, chưa đầy đủ, chưa sát với ý kiến, kiến nghị của cử tri hoặc kết quả giải quyết trên thực tế.

- Một số ý kiến, kiến nghị của cử tri đã được chỉ đạo, giải quyết và trả lời cử tri nhưng trong thực tế tiếp tục phát sinh các vấn đề khác có liên quan.

- Một số nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh xác định đã giải quyết xong hoặc giải trình, thông tin với cử tri, nhưng qua giám sát, khảo sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xác định là nội dung vẫn đang trong quá trình giải quyết.

- Còn có vấn đề cử tri kiến nghị nhiều lần, qua nhiều kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến và thông tin về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri mặc dù đã được thực hiện thường xuyên nhưng vẫn còn tình trạng kiến nghị đã được giải quyết, trả lời hoặc chính sách có liên quan đã được ban hành nhưng cử tri vẫn tiếp tục kiến nghị.

3. Nguyên nhân

- Công tác phối hợp giữa các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

cấp huyện trong việc tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên vẫn còn có một số nội dung kiến nghị phân loại chưa đúng thẩm quyền và chưa rõ ý.

- Một số kiến nghị của cử tri liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực trong khi việc xem xét, giải quyết, trả lời trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh là tương đối ngắn nên vẫn còn ý kiến, kiến nghị đang trong quá trình giải quyết.

- Một số ý kiến, kiến nghị liên quan đến việc chậm triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản cần phải có nguồn lực; vấn đề ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và có thời gian mới có thể xử lý, giải quyết dứt điểm.

- Một số kiến nghị liên quan đến cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ, các cơ quan Trung ương, do vậy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ có thể tiếp thu, giải trình và kiến nghị với cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Điều 2. Để tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu:

1. Đối với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

- Tăng cường giám sát đối với ý kiến, kiến nghị của cử tri đang trong quá trình giải quyết và ý kiến, kiến nghị gửi đến các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo kết quả giám sát với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát thường xuyên việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri. Chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý để tổng hợp, theo dõi, giám sát kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

2. Đối với các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

- Thường xuyên theo dõi, giám sát đối với việc giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri tại địa phương. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

- Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện trong việc tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo rõ ràng, chính xác, đúng thẩm quyền để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng trong việc xem xét, giải quyết, trả lời cử tri.

3. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tiếp tục chỉ đạo, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri theo đúng quy định, không để tồn đọng, kéo dài.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đang phát sinh nhiều ý kiến, kiến nghị của cử tri như: Đất đai, tài nguyên và môi trường, bồi thường giải phóng mặt bằng, quản lý dự án đầu tư, xây dựng cơ bản,...Đối với nhóm ý kiến về các dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, đề nghị quan tâm bố trí vốn đảm bảo thứ tự ưu tiên theo đúng nguyên tắc bố trí vốn của Luật Đầu tư công.

- Tập trung chỉ đạo giải quyết 44 ý kiến, kiến nghị của cử tri đang trong quá trình giải quyết (*có phụ biểu kèm theo*), đặc biệt là đối với các ý kiến, kiến nghị của cử tri kéo dài qua nhiều kỳ họp. Cụ thể như: Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Vinaconex 3 - Dự án đường quy hoạch và cơ sở hạ tầng khu dân cư số 5 do Công ty Cổ phần xây dựng số 3 - Vinaconex 3 làm chủ đầu tư (thành phố Thái Nguyên); việc thu hồi diện tích 300ha của Công ty Cổ phần Chè Thái Nguyên giao về cho địa phương quản lý theo đúng quy định của pháp luật (thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ); việc xác định lại mốc giới thu hồi đất theo Kết luận thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xác định vị trí thu hồi đất các hộ dân tại xóm 2 và nhanh chóng di chuyển các hộ dân trong vùng ảnh hưởng (xã Hà Thượng, huyện Đại Từ); kiểm tra, rà soát tất cả các dự án trên địa bàn xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên và triển khai thực hiện sớm không để kéo dài ảnh hưởng lớn đến đời sống và tư tưởng của Nhân dân như: Dự án Khu dân cư số 01 do doanh nghiệp Từ Sơn làm chủ đầu tư,...

- Tiếp tục kiến nghị các cơ quan Trung ương xem xét, giải quyết **09** ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương, cụ thể như: Việc xem xét có phương án giải quyết dứt điểm đối với các hộ dân bị lún, nứt nhà do việc thi công cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 3 cũ; có phương án hỗ trợ và bồi thường đối với phần diện tích đất nông nghiệp bị bồi bạt và ngập úng không thể canh tác do ảnh hưởng trong quá trình thi công đường Quốc lộ 3 mới (thành phố Sông Công); sớm đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn còn lại từ Chợ Chu - Định Hóa đến Sơn Dương - Tuyên Quang; có chính sách cho cán bộ bán chuyên trách ở thôn, xóm công tác từ 15 năm trở lên,...Những nội dung chưa giải quyết xong có liên quan đến trách nhiệm của tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, phối hợp giải quyết.

- Đôn đốc, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xem xét, giải quyết **07** ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban

nhân dân cấp huyện tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Giao các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ THUỘC THẨM QUYỀN CẤP TỈNH ĐANG GIẢI QUYẾT

(Kèm theo Nghị quyết số: 42/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Tổng số: 44 ý kiến

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
I	Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ GỬI TỚI TRƯỚC VÀ SAU KỲ HỌP THỨ 4, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÓA XIV (14 ý kiến)	
1	Cử tri xã Yên Lạc, huyện Phú Lương kiến nghị: Hiện nay, mức thu phí để thực hiện việc điều chỉnh các loại giấy tờ cho người dân do việc sáp nhập xóm, tổ dân phố, thay đổi căn cước công dân còn cao. Đề nghị tỉnh quan tâm, xem xét.	<p>* Hiện nay Trung ương chưa có quy định cụ thể đối với việc phải thay đổi các loại giấy tờ sau khi sát nhập thôn, xóm, tổ dân phố. Việc thực hiện thay đổi các loại giấy tờ thực hiện khi công dân có nhu cầu thay đổi và thực hiện thanh toán các khoản phí theo quy định.</p> <p>Cụ thể đối với một số loại giấy tờ như:</p> <p>- Đối với nội dung phí thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <p>Theo quy định tại Điều 76 “<i>Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng</i>” của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ việc thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do sát nhập xóm, tổ dân phố không nằm trong các quy định phải thay đổi.</p> <p>- Đối với nội dung lệ phí thay đổi thông tin trên căn cước công dân:</p> <p>Căn cứ Điều 21 “<i>Độ tuổi đổi thẻ Căn cước công dân</i>” và Điều 23 “<i>Các trường hợp đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân</i>” của Luật Căn cước công dân năm 2014, việc thay đổi căn cước công dân do sát nhập xóm, tổ dân phố không nằm trong các quy định phải thay đổi căn cước. Trường hợp công dân có nhu cầu thay đổi căn cước công dân thì cần thanh toán mức phí theo quy định tại Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.</p> <p>* Căn cứ Điều 6 tại Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh,</p>

		<p>thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có quy định việc quyết định miễn, giảm phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, tuy nhiên phải căn cứ vào quy định tại các luật chuyên ngành và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật có liên quan về miễn, giảm phí, lệ phí. Hiện nay, Trung ương chưa có các quy định về việc miễn, giảm phí, lệ phí đối với việc thực hiện thay đổi các loại giấy tờ sau khi sát nhập xóm, tổ dân phố.</p> <p>Trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Trung ương về việc miễn, giảm phí, lệ phí đối với việc thực hiện thay đổi các loại giấy tờ sau khi sát nhập xóm, tổ dân phố, Sở Tài chính sẽ phối hợp với các ngành để tham mưu thực hiện theo quy định.</p>
2	<p>Cử tri Tổ dân phố An Long, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ đề nghị tỉnh sớm chỉ đạo ngành chức năng giải quyết dứt điểm việc rãnh thoát nước dọc hai bên của tuyến đường Quốc lộ 37 (đoạn từ Cầu trắng Đầm phủ đến công trường Trung học phổ thông Đại Từ) không có nắp đậy và có nhiều bùn đất gây ô nhiễm môi trường và tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn giao thông.</p>	<p>Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ cam kết hoàn thành việc lắp đặt các tấm đan trong tháng 8/2022.</p>
3	<p>Cử tri huyện Định Hóa, Đại Từ, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh và cơ quan chức năng liên quan xem xét sớm ban hành cơ chế đặc thù trong việc bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các Nhà văn hóa dư thừa sau khi sáp nhập, đồng thời, hỗ trợ kinh phí để sửa chữa hoặc xây mới Nhà văn hóa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân.</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện rà soát, đánh giá hiện trạng các Nhà văn hóa tại các xóm, tổ dân phố trên địa bàn; xây dựng phương án, lộ trình, sắp xếp xử lý đối với những nhà văn hóa không có nhu cầu sử dụng; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang trình dự thảo Đề án hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa thôn bản. Đề nghị các huyện, thành phố căn cứ theo Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt đề xuất xử lý theo quy định.</p>
4	<p>Cử tri xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ đề nghị tỉnh quan tâm, sớm đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông từ xóm Văn Khánh, xã Văn Lãng đi xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và cầu cứng bắc qua sông Cầu để thay thế cho cầu treo Văn Lãng.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản xin ý kiến về đề xuất dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng xanh hỗ trợ phát triển bao trùm và bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đối với Tiểu dự án nâng cấp trục giao thông chính xã Hòa Bình, xã Văn Lãng huyện Đồng Hỷ - xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới trong phạm vi nâng cấp khoảng 20 km tuyến đường hiện có thành đường nhựa theo tiêu chuẩn đường miền núi cấp IV, trên tuyến xây dựng mới 02 cây cầu kết cấu dầm BTCT DUL để thay thế 02 cầu treo cũ đã xuống cấp. Dự án đã được Ủy ban</p>

		<p>nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Đông Hy thời kỳ 2021 - 2030 tại Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 24/8/2021.</p>
<p style="text-align: center;">5</p>	<p>Cử tri xóm Nam Tiền, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên phản ánh hoạt động khai thác than và sản xuất than của Công ty than Khánh Hòa gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của Nhân dân. Cử tri đề nghị kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty than Khánh Hòa; đồng thời có phương án di dời đối với các hộ dân sống ở gần bãi đổ thải của Công ty.</p>	<p>- Về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty than Khánh Hòa:</p> <p>Mỏ than Khánh Hòa được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và dự án cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản (tại Quyết định số 1679/QĐ-BTNMT ngày 12/8/2014).</p> <p>Theo các nội dung đã cam kết trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, Công ty Than Khánh Hòa đã thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như: Xây dựng và vận hành công trình thu gom và xử lý nước thải khai thác mỏ công suất 12.000m³/giờ, lắp đặt trạm quan trắc tự động liên tục đối với nước thải, truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định; trang bị xe tưới nước trong nội bộ mỏ và các tuyến đường vận tải có liên quan, lắp đặt hệ thống cột phun sương cùng 03 súng phun sương công suất lớn làm ẩm khu vực chế biến và đường giao thông, hạn chế phát tán bụi trong hoạt động vận tải bốc xúc; xây dựng 02 bãi thải đất đá là bãi thải phía Tây (có thiết kế đống thải đến coste +250m, coste đống thải hiện tại đạt +165m) và bãi thải phía Nam (dung tích 94 triệu m³ hiện đã dùng đống thải); thực hiện thu gom chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý tiêu hủy chất thải nguy hại. Với các công trình biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện, Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 117/GXN-TCMT ngày 20/11/2015.</p> <p>Theo kết quả quan trắc tự động liên tục truyền về trung tâm tiếp nhận dữ liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải mỏ than từ năm 2019 đến nay đều đạt quy chuẩn xả thải ra môi trường; kết quả tự quan trắc môi trường định kỳ của Công ty trong khuôn viên mỏ cho thấy có hàm lượng bụi nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép. Tại khu vực này, theo mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện quan trắc định kỳ tại nhà văn hóa xóm Cao Sơn 3 (giữa mỏ than Khánh Hòa và mỏ than Bá Sơn). Kết quả cho thấy có một số đợt quan trắc trong năm phát hiện hàm lượng bụi trong không khí vượt quy chuẩn cho phép, tuy nhiên mức độ vượt thấp, dưới 1,5 lần so với quy chuẩn cho phép.</p> <p>- Về tiến độ việc bồi thường giải phóng mặt bằng:</p>

		<p>Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân xã Phúc Hà làm việc với Công ty Than Khánh Hòa về kiến nghị của người dân. Công ty Than Khánh Hòa có đề nghị được tiếp tục giải phóng 7ha đất thuộc xóm 13 cũ để mở rộng quy hoạch bãi thải và di dời các hộ dân xóm 13 ra khỏi vùng ảnh hưởng.</p> <p>Ngày 18/5/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 2151/UBND-CNN&XD yêu cầu Công ty Than Khánh Hòa khẩn trương lập phương án điều chỉnh mở rộng quy hoạch bãi thải về khu vực phía Nam bãi thải Tây. Hiện nay, Công ty Than Khánh Hòa đã lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng phía Nam bãi thải Tây trình đơn vị chủ quản là Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP phê duyệt và bố trí vốn để thực hiện trong hai năm 2021 - 2022 (Quyết định số 0251/QĐ-HĐQT ngày 31/8/2021 của Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP). Công ty than Khánh Hòa đã có Văn bản số 2898/CV-TKH ngày 28/9/2021 gửi Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên đề nghị bổ sung kế hoạch sử dụng đất và thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng, di dời một số hộ dân khu vực xóm Nam Tiên.</p> <p>Ngày 13/7/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 3275/UBND-CNNXD giao Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên phối hợp với Công ty Than Khánh Hòa sớm có phương án bố trí tái định cư cho các hộ dân tại xóm Nam Tiên ra khỏi vùng ảnh hưởng và tạo điều kiện để Công ty triển khai giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.</p>
6	<p>Cử tri xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa đề nghị tỉnh xem xét điều chỉnh việc quy định thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên, trợ cấp một lần đối với lực lượng công an xã tại Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày</p>	<p>Việc giải quyết chế độ phụ cấp thâm niên, phụ cấp một lần đối với lực lượng Công an xã được thực hiện theo Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 03/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên, phụ cấp một lần đối với lực lượng Công an xã tỉnh Thái Nguyên; Hướng dẫn số 955/HD-CAT-SNV-STC ngày 07/3/2017 của Công an tỉnh, Sở Nội vụ và Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên, phụ cấp một lần đối với lực lượng Công an xã tỉnh Thái Nguyên. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, từ năm 2017 đến nay, Sở Nội vụ, Công an tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị giải quyết cho nhiều trường hợp cán bộ công an được hưởng chế độ, chính sách theo quy định.</p> <p>Đối với huyện Định Hóa: Từ năm 2017 đến nay, Sở Nội vụ, Công an tỉnh đã tiếp nhận</p>

	<p>03/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo hướng đơn giản, chỉ cần có xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.</p>	<p>97 hồ sơ trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 64 hồ sơ đã giải quyết xong, Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa đã ban hành Quyết định hưởng hỗ trợ một lần. - 20 hồ sơ chưa đủ điều kiện, đã thông báo để các đối tượng biết để bổ sung hồ sơ (trong đó có 03 trường hợp tại xã Bộc Nhiêu). - 13 hồ sơ hiện đang trình Sở Nội vụ thẩm định, giải quyết. <p>Các hồ sơ chưa đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với lực lượng Công an xã chủ yếu là do không đủ văn bản, giấy tờ theo quy định tại Hướng dẫn số 955/HD-CAT-SNV-STC để chứng minh thời gian công tác liên tục từ 15 năm trở lên.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh giao Công an tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với lực lượng Công an xã tỉnh Thái Nguyên.</p>
7	<p>Cử tri phường Châu Sơn, thành phố Sông Công đề nghị tỉnh quan tâm bố trí kinh phí để tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử chùa Bá Xuyên.</p>	<p>Căn cứ kết quả khảo sát hiện trạng, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với đơn vị tư vấn đã triển khai thực hiện hoàn thành công tác lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, đề xuất giải pháp thiết kế tu bổ di tích; ngày 19/4/2022, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành văn bản số 906/SVHTTDL-KHTC về việc lấy ý kiến tham gia của các tổ chức cá nhân có liên quan về dự án tu bổ di tích (theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh).</p> <p>Căn cứ kết quả khảo sát hiện trạng, ý kiến tham gia của các địa phương, đơn vị tổ chức cá nhân có liên quan, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch đã tiếp thu, phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện bước lập báo cáo kinh tế kỹ thuật tu bổ di tích và gửi đơn vị tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công xong ngày 29/6/2022.</p> <p>Ngày 11/7/2022, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã gửi Sở Xây dựng thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, dự kiến ngày 09/8/2022 có kết quả thẩm định. Sau khi có kết quả thẩm định của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du</p>

		<p>lịch tham mưu trình phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và triển khai các bước tiếp theo theo quy định hiện hành.</p>
8	<p>Cử tri xóm Mãn Chiêm, xã Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên kiến nghị tỉnh chỉ đạo giải quyết dứt điểm việc thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Khu B Khu công nghiệp Điềm Thụy do Công ty Cổ phần APEC làm chủ đầu tư.</p>	<p>Khu công nghiệp Điềm Thụy (Khu B) có diện tích là 170 ha được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tại Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 18/5/2009; phê duyệt điều chỉnh lần 1 tại Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 và phê duyệt điều chỉnh lần 2 tại Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 21/01/2020. Trong đó, phần địa giới thuộc xóm Mãn Chiêm, xã Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên có diện tích là 28,1 ha, diện tích còn lại thuộc địa bàn huyện Phú Bình.</p> <p>Đối với phần diện tích thuộc địa bàn Phổ Yên đã thực hiện kê khai, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ năm 2014 được 22,5 ha/28,1 ha, nhưng Chủ đầu tư không ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ. Đến năm 2017, Chủ đầu tư mới tiếp tục phối hợp với thành phố Phổ Yên để tiếp tục triển khai thực hiện. Kết quả thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ: Đến ngày 01/4/2020, thành phố Phổ Yên đã kê khai, kiểm đếm, lập phương án thu hồi đất nông nghiệp của 12 hộ dân với diện tích 24.322,8m²; kê khai kiểm đếm được 33 ngôi mộ của 17 hộ dân. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển APEC đã chủ động tự ứng trả trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân để lấy mặt bằng thi công đường vào với số tiền là 10,149 tỷ đồng. Các hộ dân đã bàn giao mặt bằng cho Chủ đầu tư thi công xây dựng hạ tầng trong phạm vi đã giải phóng mặt bằng. - Phần diện tích còn lại gồm đất ở, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở và một phần đất nông nghiệp chưa thực hiện kê khai, kiểm đếm vì hiện nay chưa xây dựng được khu tái định cư phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án. - Về công tác xây dựng Khu tái định cư, tái nghĩa địa: Tại Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022, trong đó có dự án tái định cư, tái nghĩa địa phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Khu công nghiệp Điềm Thụy - Khu B với tổng mức đầu tư 160 tỷ đồng (nguồn vốn khác). Sau khi thực hiện xong hạ tầng khu tái định cư, tái nghĩa địa dự kiến vào quý I/2023, Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên sẽ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại tại Khu công

		<p>nghiệp theo quy định.</p>
9	<p>Cử tri xã Minh Đức thành phố Phổ Yên đề nghị tỉnh quan tâm nghiên cứu, để đầu tư xây dựng cầu cứng từ xóm Đầm Muong, xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên sang thành phố Sông Công để thuận tiện cho việc đi lại và phát triển kinh tế của địa phương.</p>	<p>Theo đề nghị của cử tri để xây dựng cây cầu trên liên quan đến 2 địa phương là: Cây cầu nối từ xóm Đầm Muong, xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên sang thành phố Sông Công. Hiện tại vị trí đó có cây cầu sắt đủ để cho xe ô tô 7 chỗ đi được do cá nhân và nhân dân xóm Đầm Muong xây dựng để phục vụ đi lại cho người dân.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư trong thời gian sớm nhất.</p>
10	<p>Cử tri xóm Ngò xã An Khánh, huyện Đại Từ phản ánh Chùa làng Ngò hiện nay nằm giáp với khu vực bãi thải phía Tây của Công ty than Khánh Hòa, khu vực này không đảm bảo về môi trường và có nguy cơ sạt lở gây mất an toàn, làm ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng của Nhân dân. Đề nghị sớm di dời Chùa làng Ngò đến vị trí mới.</p>	<p>Ngày 23/02/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên có Văn bản số 626/UBND-CNN&XD về việc di dời Chùa Làng Ngò, xã An Khánh, huyện Đại Từ. Nội dung văn bản nhất trí chủ trương cho di chuyển Chùa Làng Ngò sang vị trí mới trên diện tích đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên) và Kế hoạch sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ. Hiện nay Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân xã An Khánh, Công ty than Khánh Hòa thực hiện công tác bồi thường, lập quy hoạch tổng mặt bằng để tiến hành di dời Chùa Làng Ngò sang vị trí mới.</p>
11	<p>Cử tri xã Phúc Lương, huyện Đại Từ đề nghị tỉnh quan tâm bố trí kinh phí để đầu tư tuyến đường liên huyện Đại Từ - huyện Phú Lương (đoạn từ xã Phúc Lương đi xã Hợp Thành) để tạo điều kiện phát triển kinh tế cho địa phương.</p>	<p>Năm 2022, xã Phúc Lương đăng ký về đích nông thôn mới, tuyến đường liên xã Phúc Lương, huyện Đại Từ với xã Hợp Thành, huyện Phú Lương là tuyến đường liên huyện nối liền với huyện Phú Lương đồng thời nằm trong tiêu chí để đánh giá hoàn thành tiêu chí giao thông nên việc đề nghị đầu tư tuyến đường là hoàn toàn phù hợp. Công trình này đã được Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư ngân sách huyện (tiền cấp quyền sử dụng đất) thời gian thực hiện năm 2022.</p>
12	<p>Cử tri xã Tân Quang, thành phố Sông Công kiến nghị tỉnh chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng Khu tái định cư Tân Tiến, xã Tân Quang để Nhân dân</p>	<p>Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Sông Công II do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên làm chủ đầu tư. Dự án phục vụ mục đích tái định cư cho các hộ dân trong diện giải phóng mặt bằng của dự án Khu công nghiệp Sông Công II với tổng diện tích 21,74ha.</p> <p>Thời gian vừa qua do vướng mắc về thủ tục bố trí kinh phí của Ban Quản lý các Khu công nghiệp nên việc triển khai xây dựng hạ tầng bị chậm lại. Ủy ban nhân dân thành</p>

	yên tâm chuyển về nơi ở mới, ổn định cuộc sống.	phổ thường xuyên phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án.
13	Cử tri xã Bình Sơn, thành phố Sông Công phản ánh cơ sở làm gạch (do ông Trương Công Tiến làm chủ cơ sở) tại xóm Bến Đò, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên đã tự ý nắn dòng chảy của Sông Công về phía xóm Bá Vân 3, xã Bình Sơn, thành phố Sông Công, đề nghị tỉnh chỉ đạo ngành chức năng kiểm tra và xử lý.	<p>Ngày 08/03/2022, Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công đã có Văn bản số 798/UBND-KT gửi Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên đề nghị phối hợp giải quyết vụ việc đắp bờ bao lấn chiếm lòng sông Công tại khu vực giáp ranh xã Bình Sơn, thành phố Sông Công với xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên.</p> <p>Ngày 20/4/2022, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên đã có Văn bản số 1027/UBND-KT giao cho cơ quan chuyên môn phối hợp kiểm tra thực tế và yêu cầu Công ty Bắc Đại Tây Dương (do ông Trương Công Tiến làm giám đốc) khắc phục trả lại hiện trạng theo quy định.</p>
14	Cử tri xã Tân Quang, thành phố Sông Công phản ánh mặc dù đã chấp hành giao đất và tài sản trên đất để nhà nước thực hiện thu hồi và xây dựng Khu công nghiệp Sông Công II, tuy nhiên đến nay vẫn còn 70 - 80% hộ dân chưa nhận được tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, do vướng mắc về thủ tục liên quan đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp, đề nghị tỉnh xem xét giải quyết sớm chi trả cho Nhân dân để ổn định cuộc sống.	<p>Đối với khoản hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho diện tích đất vườn ao cùng thửa đất ở, Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công đã giao các cơ quan chuyên môn tính toán và đã được Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công phê duyệt bổ sung cho các hộ. Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công đã phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ, có giải pháp để chi trả cho các hộ.</p>
II	Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 191/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH (30 ý kiến)	
15	Cử tri xã Yên Lạc, huyện Phú Lương đề nghị giải quyết dứt điểm vấn đề đất đai giữa các hộ dân với Trung đoàn 246, Kho K87, Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương.	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Văn bản số 4954/UBND-CNN&XD ngày 12/10/2021 đề nghị Bộ Quốc phòng chỉ đạo các đơn vị có liên quan hoàn thành công tác đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới diện tích đất 28,1 ha và lập hồ sơ báo cáo Bộ Quốc phòng thực hiện bàn giao diện tích 28,1 ha trên cho địa phương quản lý theo quy hoạch đối với khu đất Kho K87. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Tư lệnh Quân khu I chỉ đạo Trung đoàn 246 tiếp tục phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương, Ủy ban nhân dân xã Yên Lạc, Ủy ban nhân dân xã Động Đạt rà soát, xác định ranh giới, mốc giới, tiến hành đo đạc xác định diện tích</p>

		<p>vẫn còn nhu cầu sử dụng để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định; diện tích không có nhu cầu sử dụng để làm thủ tục trả ra cho địa phương quản lý theo quy hoạch.</p> <p>Đến nay, Bộ Tư lệnh Quân khu I và Bộ Quốc phòng chưa có ý kiến trả lời làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục gửi kiến nghị của cử tri đến Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh để kiến nghị Bộ Quốc phòng sớm quan tâm giải quyết.</p>
<p>16</p>	<p>Cử tri tổ dân phố 6,7,28,29,30,31, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm tiếng ồn, khói bụi do nhà máy Cốc hóa thuộc Công ty Cổ phần Gang thép gây ra.</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục theo dõi, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy. Qua theo dõi, Nhà máy Cốc hóa tiếp tục vận hành các hệ thống xử lý khí bụi, nước thải đã lắp đặt; thu hồi khí cốc làm nhiên liệu, đốt hủy khí cốc; đưa nước làm mát về xí nghiệp năng lượng để hạ nhiệt và tái sử dụng; chứa than trong nhà mái che hạn chế nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn ra môi trường,...Kết quả quan trắc định kỳ khí thải, nước thải của Nhà máy trong các đợt cuối năm 2021, đầu năm 2022 đều đạt quy chuẩn cho phép.</p> <p>Đối với việc lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khí thải, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đã thông qua kế hoạch đầu tư hệ thống quan trắc khí thải tự động Nhà máy Cốc hóa; lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án “Trang bị hệ thống quan trắc tự động liên tục” và phê duyệt tại Quyết định số 342/QĐ-GTTN ngày 28/6/2021; thực hiện xong các thủ tục đấu thầu, mua sắm và bàn giao mặt bằng để nhà thầu thi công lắp đặt trạm quan trắc tự động theo kế hoạch đã đề ra. Theo hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên và nhà thầu, việc lắp đặt sẽ hoàn thành trong tháng 10/2022.</p>
<p>17</p>	<p>Cử tri thành phố Thái Nguyên đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi hoặc yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các khu quy hoạch không triển khai, chậm triển khai hoặc có triển khai nhưng không đúng cam kết theo quy định làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của Nhân dân, cụ thể: Dự án chung cư Đại Nam (phường Phan Đình Phùng).</p>	<p>Đây là vụ việc phức tạp kéo dài, Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, thống nhất chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra.</p>
<p>18</p>	<p>Cử tri thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ: Đề nghị tỉnh kiến nghị với Trung ương và các Bộ, ngành liên quan thu hồi diện tích 300ha của Công ty</p>	<p>Theo kết quả thống nhất tại Hội nghị ngày 26/10/2021, Vinatea Thái Nguyên đã lập hồ sơ trả đất (đợt 1) cho địa phương với diện tích là 196 ha tại các xã, thị trấn (thị trấn Sông Cầu 106 ha; xã Hóa Thượng 13 ha; xã Hóa Trung 59 ha; xã Minh Lập 18 ha) và đã được</p>

	<p>Cổ phần Chè Thái Nguyên giao về cho địa phương quản lý theo đúng quy định của pháp luật.</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi tại Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 giao cho Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ quản lý theo quy hoạch. Ngày 08/3/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức giao đất tại thực địa cho Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ đang tổ chức lập phương án sử dụng đất.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Thanh tra Sở thực hiện thanh tra việc sử dụng đất của Công ty Cổ phần Chè Thái Nguyên theo quy định và sớm có biện pháp xử lý trong tháng 8/2022.</p>
19	<p>Cử tri phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên đề nghị tỉnh kiểm tra, đánh giá công tác quy hoạch, thiết kế xây dựng chợ Ba Hàng, công trình mới được đầu tư xây dựng nhưng đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng (hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải,...gây ô nhiễm môi trường).</p>	<p>Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 13/7/2021, Sở Công Thương phối hợp các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng; Tài Nguyên và Môi trường; Tài chính; Công an tỉnh Thái Nguyên (<i>phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ</i>); Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên và Công ty Cổ phần Trung Tín tổ chức hội nghị thống nhất việc phân loại chợ Ba Hàng và giải quyết các nội dung tồn tại theo quy định. Kết quả làm việc cho thấy, tỷ lệ lấp đầy các điểm kinh doanh của chợ Ba Hàng đạt khoảng 70% so với công suất thiết kế, tương đương 700 điểm kinh doanh đã được đưa vào sử dụng, chợ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội quy và là trung tâm cung cấp thực phẩm chính trong khu vực. Bên cạnh đó, chợ Ba Hàng còn tồn tại một số hạn chế, cụ thể là: Giải pháp bảo vệ môi trường chưa đảm bảo (<i>rác thải chưa được tập kết đúng nơi quy định, nước thải tại chợ chưa được xử lý triệt để, hệ thống thoát nước mưa chảy tràn chưa đảm bảo gây ngập úng</i>); hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu đưa vào sử dụng; văn minh thương mại tại chợ còn hạn chế (<i>pano, áp phích, biển hiệu, mái che, mái vẩy, ...chưa được sắp xếp gọn gàng đúng quy định</i>).</p> <p>Để khắc phục, giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri, hội nghị đã yêu cầu Công ty Cổ phần Trung Tín chủ đầu tư xây dựng chợ Ba Hàng chủ động rà soát và thực hiện nghiêm các quy định để chợ Ba Hàng đảm bảo các tiêu chí là chợ hạng 1 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung cam kết bảo vệ môi trường đã được Ủy ban nhân dân thị xã Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) xác nhận tại Giấy xác nhận số 180 ngày 02/4/2007; điều chỉnh mở rộng dự án đầu tư, tăng quy mô, thay đổi công nghệ xử lý chất thải của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường,... Công ty cần đối chiếu với Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 để thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường theo quy định; thời gian hoàn thành trước 31/12/2021.</p>

Về nội dung liên quan đến tiến độ giải quyết, khắc phục các tồn tại của chợ Ba Hàng: Sở Công Thương đã phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Phố Yên tổ chức 04 Hội nghị, 04 đoàn kiểm tra và ban hành 10 văn bản đôn đốc, kiểm tra.

Từ ngày 10/6/2022 đến ngày 13/6/2022, Đoàn kiểm tra liên ngành do Sở Công Thương chủ trì cùng Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên, Sở Tài chính, Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Phố Yên và Ủy ban nhân dân phường Ba Hàng đã tiến hành kiểm tra thực tế tại chợ Ba Hàng, qua kiểm tra thực tế cho thấy rác thải tại chợ đã được tập kết đúng nơi quy định, hệ thống thoát nước mưa chảy tràn đã được nạo vét đảm bảo thoát nước không gây ngập úng tại chợ (*thực tế qua những trận mưa lớn vừa qua chợ Ba Hàng không ngập úng*); hệ thống phòng cháy chữa cháy đã được Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh nghiêm thu đưa vào sử dụng; văn minh thương mại tại chợ được cải thiện (*pano, áp phích, biển hiệu, mái che, mái vẩy, ... đã được sắp xếp gọn gàng hơn*) và theo báo cáo của Ủy ban nhân dân phường Ba Hàng, từ tháng 7/2021 đến thời điểm kiểm tra, Ủy ban nhân dân phường Ba Hàng không nhận được đơn thư hoặc phản ánh cũng như kiến nghị của Nhân dân trong phường liên quan đến chợ Ba Hàng. Với các nội dung Công ty đã khắc phục nêu trên, đến thời điểm hiện tại các tiêu chuẩn kinh doanh tại chợ và nhân dân trong khu vực đã cơ bản đồng thuận, không có đơn thư phản ánh.

Ngày 07/7/2022, Sở Công Thương chủ trì tổ chức Hội nghị cùng Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên, Tài chính, Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, Ủy ban nhân dân thành phố Phố Yên và Ủy ban nhân dân phường Ba Hàng cùng Công ty Cổ phần Trung Tín. Hội nghị thống nhất yêu cầu Công ty Cổ phần Trung Tín cam kết khắc phục những hạn chế còn tồn tại, hạn chế hoàn thành trước ngày 31/12/2022.

Ngày 11/7/2022 Công ty Cổ phần Trung Tín đã có Văn bản số 241 BC/TT-CBH ngày 11/7/2022 cam kết tiến độ hoàn thành các hạng mục còn tồn tại của chợ Ba Hàng, đảm bảo tiêu chí chợ hạng 1.

20	<p>Cử tri xã Hà Thượng, huyện Đại Từ đề nghị tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn xác định lại mốc giới thu hồi đất theo Kết luận thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xác định vị trí thu hồi đất các hộ dân tại xóm 2 và nhanh chóng di chuyển các hộ dân trong vùng ảnh hưởng.</p>	<p>Theo Kết luận thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổng số hộ dân bị ảnh hưởng là: 27 hộ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ dân đã được Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã phê duyệt phương án bồi thường đến ngày 30/4/2022 là 22/27 hộ với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 34,86 tỷ đồng, trong đó: Đã chi trả cho 20/22 hộ dân với tổng số tiền 28,26 tỷ đồng; còn 02 hộ dân đã được phê duyệt phương án bồi thường, tuy nhiên Chủ dự án chưa bố trí kinh phí chi trả tiền (theo Quyết định số 8026/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ) là hộ ông Ngô Công Đồng và bà Trần Thị Lý, giá trị 2,6 tỷ đồng; hộ bà Lê Thị Hoài, giá trị 4,1 tỷ đồng. - Hiện nay còn 05 hộ vướng mắc về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng: <ul style="list-style-type: none"> + 04 hộ (<i>ông Phùng Xuân Thiện, bà Phùng Thị Tâm, bà Lương Thị Quỳnh, bà Lương Mai Anh</i>) chưa đồng ý với phương án bồi thường đã công khai và kiến nghị về loại đất thu hồi, tài sản trên đất không được bồi thường, giá thu tiền sử dụng đất,... + 01 hộ ông Bùi Văn Mạnh và bà Nguyễn Thị Nhung có thửa đất số 127, tờ bản đồ 27, diện tích 179m² nằm trong bán kính 500m hiện nay chưa thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng do hộ ông Bùi Văn Mạnh chưa đồng ý với diện tích còn lại của thửa đất. Gia đình tự ý chia tách chuyển nhượng cho 05 người, hiện tại chưa có xác nhận của chính quyền địa phương.
21	<p>Cử tri xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên đề nghị kiểm tra, rà soát tất cả các dự án trên địa bàn xã Quyết Thắng, triển khai thực hiện sớm không để kéo dài ảnh hưởng lớn đến đời sống và tư tưởng của Nhân dân: Dự án Khu dân cư số 1 mới được thực hiện do Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến lâm sản thương mại Từ Sơn làm chủ đầu tư sử dụng đất chưa đúng mục đích như giấy phép đã đăng ký, còn 7 ha đất chưa thực hiện.</p>	<p>Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000102 lần đầu ngày 14/11/2011, điều chỉnh lần thứ 01 ngày 09/01/2013, điều chỉnh lần thứ 02 ngày 30/12/2014. Diện tích đất sử dụng của dự án 2,5ha; tổng vốn đầu tư 57,668 tỷ đồng.</p> <p>Ngày 19/01/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 91/QĐ-UBND về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên (tiến độ triển khai và hoàn thành vào Quý IV/2022). Hiện nay, nhà đầu tư đang triển khai dự án theo tiến độ đã được phê duyệt điều chỉnh.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, đôn đốc Nhà đầu tư nếu không thực hiện đúng tiến độ vào Quý IV/2022 thì sẽ thu hồi dự án.</p>

22	<p>Cử tri phường Hương Sơn, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên kiến nghị tỉnh sớm giải quyết các vấn đề vướng mắc trong việc xây dựng, quản lý chợ Dốc Hanh</p>	<p>Đoàn rà soát, kiểm tra đã có Báo cáo kết quả kiểm tra số 1335/BC-ĐRS,KT ngày 27/12/2021 trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong đó, đề xuất chấm dứt hoạt động đầu tư của Hợp tác xã Đầu tư xây dựng quản lý và khai thác chợ Hải An và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với Dự án Chợ Dốc Hanh.</p>
23	<p>Cử tri xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ đề nghị tỉnh xem xét việc kiểm đếm và bồi thường cho các hộ dân bị thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu du lịch tâm linh Hồ Núi Cốc (khởi công từ năm 2016). Vì hiện nay có những hộ dân đã kiểm đếm và được bồi thường, có những hộ đã kiểm đếm nhưng chưa được bồi thường.</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn cho dự án trong giai đoạn 2021 - 2025, với tổng số vốn đầu tư là 92,593 tỷ đồng tại Nghị quyết số 82/NQ- HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 21/6/2021 cho Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng đường trục nối ĐT 261 với Hồ Núi Cốc và đường ven hồ đoạn từ đường trục nối ĐT 261 với Hồ Núi Cốc đến khu vực Đền Gàn. Năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bố trí kế hoạch vốn là 43 tỷ đồng tại Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bố trí vốn là 24,769 tỷ đồng tại Quyết định số 5148/QĐ-UBND ngày 28/12/2021.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ để thực hiện chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng theo quy định; Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ có phương án giải quyết các tồn tại vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tái định cư của dự án; Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư hoặc thu hút đầu tư vào dự án Khu du lịch tâm linh Hồ Núi Cốc để Nhân dân trong vùng ảnh hưởng an tâm sản xuất, ổn định đời sống, đảm bảo hiệu quả nguồn lực đầu tư.</p>
24	<p>Cử tri xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên phản ánh: Hiện nay, tại xóm Soi Vàng có 02 trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn, xây dựng gần khu dân cư, đang gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe của Nhân dân. Đề nghị tỉnh quan tâm, chỉ đạo các ngành chức năng có phương án giải quyết.</p>	<p>(1) Đối với trại chăn nuôi nhà ông Đàm Văn Mươi Ông Mươi đã chấp hành Quyết định xử phạt số 48/QĐ-XPVPHC ngày 29/10/2021 của Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, nộp số tiền phạt 68.000.000đ vào Kho bạc nhà nước tuy nhiên chưa thực hiện hồ sơ về bảo vệ môi trường theo quy định. Theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trang trại của ông Mươi thuộc đối tượng phải lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn ông Mươi thực hiện theo đúng quy định hiện hành.</p> <p>(2) Đối với trang trại chăn nuôi ông Trần Xuân Phong Ông Phong đã xuất hết lợn và tạm dừng chăn nuôi theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và xây dựng công trình xử lý nước thải. Tuy nhiên, chưa nộp tiền phạt theo Quyết định xử lý vi phạm 1684/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Cuối tháng</p>

2/2022, ông Phong đã tiếp tục nhập thêm lợn với lý do vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi. Tuy nhiên, qua kiểm tra cho thấy hệ thống chưa đáp ứng được quy chuẩn về môi trường, chưa đủ điều kiện để hoạt động.

Theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trang trại thuộc đối tượng phải lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ có văn bản hướng dẫn ông Phong thực hiện nội dung trên, đồng thời tham mưu các biện pháp cưỡng chế nộp phạt vi phạm hành chính đối với ông Phong.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên giám sát việc chấp hành các yêu cầu bảo vệ môi trường của ông Phong, chỉ cho phép đi vào hoạt động khi có đủ công trình xử lý chất thải và hồ sơ môi trường.

(3) Đối với trang trại chăn nuôi lợn của bà Trần Thị Mai

Ngày 26/4/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân xã Tân Cương kiểm tra việc thực hiện Kết luận kiểm tra số 36/KL-STNMT ngày 21/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả cho thấy, bà Mai không nghiêm túc chấp hành kết luận kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường, như: Không dừng chăn nuôi theo yêu cầu, không hoàn thiện các điều kiện để đưa hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng vào hoạt động (đã xây xong nhưng không có đường thu nước thải, đường thoát nước thải sau xử lý), chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên (mới nộp 180 triệu/806 triệu đồng), tiếp tục xả nước thải chưa xử lý qua 02 đường thải ra môi trường sông Công.

Theo kết quả kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã lập biên bản vi phạm hành chính, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định xử phạt bà Mai 05 hành vi vi phạm (Văn bản số 1629/STNMT-BVMT ngày 18/5/2022). Trong đó hình thức phạt chính bằng tiền với tổng số tiền 816 triệu đồng; hình thức phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động của trang trại 7,5 tháng (thời điểm bắt đầu đình chỉ hoạt động chậm nhất vào tháng 11/2022 để tạo điều kiện cho phép trang trại chăn nuôi và xuất hết lứa lợn hiện tại). Trong thời gian từ nay đến thời điểm phải dừng hoạt động, bà Mai không được xả nước thải chăn nuôi chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục đôn đốc bà Mai việc nộp phạt vi phạm hành chính và kiên quyết xử lý theo đúng quy định.

		<p>(4) Đối với trang trại gia đình bà Nguyễn Thị Nhạn</p> <p>Hiện tại, bà Nhạn đã xuất hết số lợn tại các chuồng nuôi, dừng hoạt động chăn nuôi theo yêu cầu tại Quyết định số 1683/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cam kết với Ủy ban nhân dân xã Tân Cương dừng chăn nuôi (theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Tân Cương tại Văn bản số 55/UBND-ĐCXD ngày 23/2/2022 và nội dung biên bản làm việc ngày 16/3/2022 giữa Ủy ban nhân dân xã Tân Cương và bà Nhạn). Tuy nhiên, trang trại chưa nộp tiền xử lý vi phạm.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường đôn đốc bà Nhạn khẩn trương nộp phạt số tiền còn thiếu là 319/339 triệu đồng; giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân xã Tân Cương giám sát việc bà Nhạn dừng chăn nuôi, không cho phép hoạt động chăn nuôi trở lại khi chưa hoàn thiện hồ sơ môi trường và công trình xử lý chất thải, không cho phép chuyển nhượng trang trại khi chưa hoàn thành việc nộp phạt.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục đôn đốc bà Nhạn việc nộp phạt vi phạm hành chính và kiên quyết xử lý theo đúng quy định.</p>
25	<p>Cử tri xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai và các xã có đất của Lâm trường Võ Nhai (cũ) đề nghị tỉnh giải quyết dứt điểm thủ tục cấp đất Lâm trường để Nhân dân được quản lý, sử dụng theo quy định.</p>	<p>Ngày 08/4/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội nghị thẩm định phương án sử dụng đất đối với diện tích 304 ha (phần còn lại), hội nghị đã tham gia ý kiến và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai tiếp thu các ý kiến hoàn thiện lại phương án sử dụng đất. Ngày 29/4/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 1373/STNMT-QLĐĐ đôn đốc UBND huyện Võ Nhai khẩn trương hoàn thiện phương án sử dụng đất theo nội dung tại Hội nghị ngày 08/4/2022.</p> <p>Theo đề nghị của UBND huyện Võ Nhai tại Văn bản số 1533/UBND-TNMT ngày 14/6/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 2159/STNMT-QLĐĐ ngày 20/6/2022 hướng dẫn và đôn đốc đơn vị khẩn trương hoàn thiện phương án sử dụng đất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai đang hoàn thiện phương án sử dụng đất, dự kiến xong trong tháng 8/2022 trình Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân.</p>

		Sau khi có phương án sử dụng đất được thẩm định đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Sở Tài nguyên và môi trường sẽ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ để Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai thực hiện việc giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân.
26	<p>Cử tri phường Bắc Sơn, xã Minh Đức, xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên:</p> <p>1. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương giải quyết các vấn đề tồn đọng do làm nhà trái phép trong diện tích trước đây của Xí nghiệp Chè Bắc Sơn quản lý, sớm bố trí kinh phí đo vẽ bản đồ để bàn giao đất về cho địa phương quản lý.</p> <p>2. Đề nghị tỉnh quan tâm, chỉ đạo các ngành liên quan rà soát cấm mốc địa giới giữa rừng phòng hộ và rừng đặc dụng trên địa bàn xã; xem xét giải quyết việc Nhân dân đã được bàn giao đất của Nông trường Quốc doanh Bắc Sơn nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất.</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 1149/STNMT-QLĐĐ ngày 15/4/2022 đôn đốc Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên đẩy nhanh tiến độ lập Phương án sử dụng đất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 5255/UBND-CNN&XD ngày 27/10/2021. Đối với bản đồ địa chính phục vụ cho việc lập Phương án sử dụng đất, năm 2020 Sở Tài nguyên và Môi trường đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân các xã, phường và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phổ Yên. Bản đồ được đo đạc theo hiện trạng, đảm bảo để thực hiện việc lập phương án sử dụng đất.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên kiểm tra, lập biên bản và có phương án xử lý các đối tượng làm nhà trái phép trên đất của Nông trường chè Bắc Sơn và đất đã giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên quản lý.</p> <p>Đối với cấm mốc phân định ranh giới rừng đặc dụng: Căn cứ vào bản đồ quy hoạch 3 loại rừng (<i>Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 8/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng năm 2006; Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 và đến năm 2020</i>), trên địa bàn xã Minh Đức, xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên không có diện tích rừng đặc dụng. Do đó, không thực hiện cấm mốc phân định ranh giới rừng đặc dụng trên địa bàn xã.</p> <p>Đối với cấm mốc phân định ranh giới rừng phòng hộ, rừng sản xuất: Theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật Quy hoạch năm 2017, sau khi tích hợp số liệu rà soát 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh vào Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai việc cấm mốc phân định ranh giới 03 loại rừng theo quy định.</p>
27	Cử tri thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Vinaconex 3	Hiện nay Dự án Xây dựng đường quy hoạch và cơ sở hạ tầng Khu dân cư số 5 phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên đã được đưa vào danh mục các dự án kiểm tra

	<p>(Dự án đường quy hoạch và cơ sở hạ tầng Khu dân cư số 5 do Công ty Cổ phần xây dựng số 3 - Vinaconex 3 làm chủ đầu tư).</p>	<p>công tác quyết toán năm 2022 (theo Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh).</p>
<p>28</p>	<p>Cử tri xã Thuận Thành, thành phố Phố Yên đề nghị tỉnh hỗ trợ chênh lệch giá bồi thường, giải phóng mặt bằng theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ đối với các hộ nghèo bị thu hồi đất; xem xét năng lực Nhà đầu tư và thu hồi quyền sử dụng đất dự án đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu B - Khu công nghiệp Nam Phổ Yên do Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV ô tô Xuân Kiên Vinaxuki Thái Nguyên làm chủ đầu tư.</p>	<p><i>1. Về Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu B - Khu công nghiệp Nam Phổ Yên:</i> Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh phối hợp với các ngành chức năng, địa phương của tỉnh để xem xét, đánh giá quá trình đầu tư Dự án của Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV Ô tô Xuân Kiên Vinaxuki Thái Nguyên, làm cơ sở cho việc thanh lý tài sản cũng như việc thu hút Nhà đầu tư khác để xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp.</p> <p><i>2. Về Dự án Nhà máy đúc gang và thép hợp kim cao cấp</i></p> <p>Ngày 04/02/2021, Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội có Bản án số 07/2021/KDTM-ST về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp (nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, địa chỉ quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội). Hiện nay, Cục Thi hành án dân sự thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên đang xử lý tài sản theo quy định.</p> <p>Ngày 16/3/2021, Tòa án nhân dân thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên có Bản án số 01/2021/KDTM-ST về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng (nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, địa chỉ phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội). Hiện nay, Cục Thi hành án dân sự thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên đang xử lý tài sản theo quy định.</p>
<p>29</p>	<p>Cử tri thành phố Phố Yên đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi hoặc yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các khu quy hoạch không triển khai, chậm triển khai hoặc có triển khai nhưng không đúng cam kết theo quy định đối với Dự án Yên Bình III.</p>	<p><i>Dự án Yên Bình III:</i> Dự án Khu công nghiệp Yên Bình giai đoạn 3, diện tích 50,96 ha: Diện tích đã thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng 40,4ha/50,96ha, đạt 79,28% (giai đoạn 3). Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất 7,61ha (theo Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 và Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 26/02/2021). Phần diện tích còn lại khoảng 10,5ha chưa bồi thường giải phóng mặt bằng do một số hộ dân chưa hợp tác kê khai kiểm đếm, chưa nhận tiền bồi thường và có những yêu cầu bồi thường ngoài chính sách; một số trường hợp chưa di chuyển do chưa bố trí được tái định cư.</p> <p>Hiện tại, Nhà đầu tư đang tiến hành san lấp mặt bằng và thi công xây dựng hạ tầng trên diện tích đất đã giải phóng mặt bằng.</p>

30	<p>Cử tri xã Thuận Thành, thành phố Phố Yên tiếp tục đề nghị tỉnh sớm triển khai bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân bị ảnh hưởng của Dự án đầu tư xây dựng Khu bến cảng bốc xếp hàng hóa Yên Bình tại khu vực Mom Kiệu.</p>	<p>Dự án đầu tư xây dựng khu bến cảng bốc xếp hàng hóa Yên Bình tại khu vực Mom Kiệu, xã Thuận Thành, thành phố Phố Yên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác khoáng sản Thăng Long với diện tích 31 ha. Dự án chậm tiến độ do gặp phải khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Nhà đầu tư đã lập hồ sơ điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cấp quyết định điều chỉnh dự án theo quy định.</p> <p>Ngày 24/11/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 4543/UBND-TH về việc rà soát, hoàn thiện hồ sơ dự án trên. Trên cơ sở đó, nhà đầu tư đã phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Phố Yên để đưa dự án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố. Theo báo cáo của nhà đầu tư, dự án đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Phố Yên, tháng 4/2022 nhà đầu tư đã nộp hồ sơ điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án, hiện nay đang lấy ý kiến của các ngành, sau khi có ý kiến tham gia của các ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định.</p>
31	<p>Cử tri phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị xem xét dự án Khu dân cư Quang Trung - Quang Vinh xây dựng vào hành lang suối Mỏ Bạch làm thay đổi dòng chảy và sát vào đất thổ cư của Nhân dân. - Đề nghị tỉnh chỉ đạo Doanh nghiệp Anh Thắng đẩy nhanh tiến độ thi công Dự án để Nhân dân ổn định cuộc sống. 	<p>Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn Kiểm tra, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo số 994-CV/BCSD ngày 31/12/2021 báo cáo xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy. Trong đó, đề xuất cho Nhà đầu tư tiếp tục thực hiện dự án.</p>
32	<p>Cử tri xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ đề nghị tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường việc quản lý, giám sát công tác bảo vệ môi trường, có biện pháp xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các mỏ khai thác đá trên địa bàn xã.</p>	<p>Trên địa bàn xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ có 08 mỏ đang hoạt động trong đó có 03 mỏ thường xuyên gây bụi, ồn, mất an toàn ảnh hưởng đến nhà dân gồm: (1) Mỏ đá Đồng Luông của Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Hiền VHC, (2) Mỏ đá Làng Mới, của Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Xây dựng Tập Trung và (3) Mỏ đá Nước Lạnh 2 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đồng Phú</p> <p>Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 2953/QĐ-UBND, ngày 19/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiểm tra xác định:</p>

		<p>- Có 02 mỏ đã dừng hoạt động sản xuất, không gây ô nhiễm, gồm: Mỏ đá Làng Mới và Mỏ đá Nước Lạnh 2.</p> <p>- Có 01 mỏ đang hoạt động là Mỏ đá Đồng Luông. Hiện tại, mỏ thực hiện khai thác không đúng thiết kế, còn nhà dân nằm trong bán kính an toàn nổ mìn, Đoàn kiểm tra đang tiếp tục làm việc xem xét việc xử lý các tồn tại của đơn vị này theo quy định pháp luật.</p>
<p>33</p>	<p>Cử tri phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh xem xét việc quy hoạch xây dựng một số dự án trên địa bàn phường đã được cấp phép từ nhiều năm nay nhưng chưa triển khai thực hiện.</p>	<p>Qua rà soát, trên địa bàn phường có 02 dự án giao cho Công ty Cổ phần Trung Tín đầu tư xây dựng: Dự án Trung Tín Hotel và Dự án đầu tư xây dựng Thái Nguyên Building. Hiện nay, 02 dự án nêu trên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi tại Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 và Quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 16/12/2013. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 về việc bãi bỏ Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 10/3/2010 và Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 10/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất đã giao cho Công ty Cổ phần Trung Tín thực hiện dự án. Đồng thời, giao diện tích đất 8.434,0m² tại phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Nguyên quản lý theo quy định của pháp luật. Công ty đã khởi kiện Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa phúc thẩm cấp cao thành phố Hà Nội đã tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện từ phía Công ty. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đang chỉ đạo việc chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật.</p>
<p>34</p>	<p>Cử tri phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh xem xét, có phương án giải quyết dứt điểm Dự án của Tập đoàn APEC đã được phê duyệt chủ trương đầu tư từ năm 2011 nhưng đến nay chưa triển khai thực hiện.</p>	<p>- Dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ, văn phòng cho thuê, khách sạn cao cấp phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên của Công ty Cổ phần đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương thuộc danh sách kiểm tra theo Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiểm tra một số dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Ngày 25/9/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kết luận kiểm tra số 4162/KL-UBND về việc kiểm tra dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ văn phòng cho thuê, khách sạn cao cấp phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, theo đó Kết luận có giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong thực hiện dự án để xem xét đối với diện tích đất để thực hiện dự án và kiến nghị giải quyết dứt điểm những tồn tại, hạn chế.</p> <p>- Ngày 31/8/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường có Kết luận thanh tra số 86/KL-TTr việc chấp hành các quy định pháp luật đối với Công ty Cổ phần đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương trong việc thực hiện dự án. Trong đó, Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để Công ty tiếp tục thực hiện dự án giai đoạn II trong thời gian</p>

		<p>Công ty đã cam kết; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với Công ty đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất còn lại nằm trong quy hoạch thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả giai đoạn II).</p> <p>- Ngày 22/01/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 163/SKHĐT-ĐKKD báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương lập hồ sơ điều chỉnh dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ, văn phòng cho thuê, khách sạn cao cấp phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn II).</p> <p>- Ngày 20/02/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 516/UBND-TH cho ý kiến, nội dung: Cơ bản thống nhất với nội dung đề xuất điều chỉnh (tiếp tục thực hiện giai đoạn II của dự án). Theo đó, Công ty đã lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án và được các sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên thẩm định theo quy định. Tuy nhiên, trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính tại văn bản số 2589/STC-QLGCS ngày 10/7/2019 về nội dung đề nghị Công ty thực hiện ký quỹ đầu tư với số tiền 50 tỷ đồng trước thời điểm quyết định điều chỉnh để thực hiện dự án, Công ty Cổ phần đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương đã xin rút hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án để nghiên cứu, lập kế hoạch triển khai thực hiện. Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa nhận được văn bản phúc đáp của Công ty.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư đôn đốc nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo Kết luận Thanh tra số 86/KL-STNMT ngày 31/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp nhà đầu tư không phối hợp triển khai, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định.</p>
35	<p>Cử tri phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh xem xét việc quy hoạch xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên từ nhiều năm nay nhưng chưa được triển khai thực hiện.</p>	<p>- Việc triển khai công tác đầu tư xây dựng Đại học Y - Dược tại cơ sở 1 tiếp tục thực hiện trên khu đất 3,68 ha được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên) cấp cho trường Đại học Y Bắc Thái (nay là Đại học Y - Dược Thái Nguyên) tại Quyết định số 176/UB-QĐ ngày 30/5/1991 và Quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11/8/2004, điều chỉnh tháng 12/2020.</p> <p>- Phần đất khoảng 4.000 m² hiện cho mượn và bị lấn chiếm liên quan đến 46 hộ dân, giao Sở Xây dựng tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng để tổ chức đối thoại, thống nhất theo hướng: Nếu Đại học Y - Dược xây dựng hết thì thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng; nếu không xây dựng hết thì bàn giao đất cho Ủy ban nhân dân</p>

		thành phố Thái Nguyên để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân.
36	Cử tri phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên đề nghị xây dựng rào chắn hai bên bờ kênh Núi Cốc thuộc địa phận Tổ dân phố 5, 6, 7.	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên đã lập kế hoạch xây dựng rào chắn tại bờ kênh Chính Hồ Núi Cốc thuộc địa phận Tổ dân phố 5, 6, 7 phường Thịnh Đán vào kế hoạch sửa chữa, nâng cấp công trình năm 2022. Dự kiến công trình được triển khai thi công xây dựng vào cuối năm 2022.
37	Cử tri xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên đề nghị tỉnh kiểm tra, có phương án giải quyết đối với Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Đông Tam Đảo của Công ty Bắc Thăng Long kéo dài nhiều năm nay nhưng chưa triển khai thực hiện.	<p>- Dự án Tổ hợp du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Nước Hai và Làng văn hoá Trà (ROYAL GARDEN COMPLEX) được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000051 cấp ngày 29/01/2011, điều chỉnh lần 1 ngày 08/03/2012.</p> <p>Dự án thuộc đối tượng kiểm tra theo Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ Kiểm tra số 3 đã kiểm tra và báo cáo, đề xuất giao Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên làm đầu mối phối hợp với các sở, ngành có liên quan rà soát sự phù hợp đối với quy hoạch đất đai, quy hoạch rừng, quy hoạch chung thành phố Phổ Yên đề xuất hướng xử lý tiếp theo đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.</p> <p>Hiện nay Công ty Bắc Thăng Long đang phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên rà soát các nội dung có liên quan, sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kết luận kiểm tra dự án, Công ty cam kết sẽ đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.</p>
38	Cử tri xã Trung Thành, thành phố Phổ Yên đề nghị tỉnh quan tâm, giải quyết những tồn tại đối với Khu công nghiệp Trung Thành, cụ thể là: Có phương án giải quyết đối với diện tích đất chưa đưa vào sử dụng; hoàn thiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó chú trọng xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường để sớm thu hút các công ty, doanh nghiệp đi vào hoạt động. Đối với phần diện tích đất của xóm Hưng Thịnh, Hợp Thịnh đã được quy hoạch nhưng hiện nay khi triển khai thực hiện Dự án không sử dụng đến phần diện tích đất của 02 xóm này, đề nghị tỉnh có thông báo cụ thể bằng văn bản cho Nhân	<p>1. Việc điều chỉnh quy hoạch Khu công nghiệp Trung Thành</p> <p>Để có cơ sở điều chỉnh phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và thu hồi đất liên quan đến việc điều chỉnh quy hoạch Khu công nghiệp Trung Thành, Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành chức năng của tỉnh và xin chủ trương cho phép thực hiện điều chỉnh phương án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần diện tích đất đã điều chỉnh không thuộc phạm vi quy hoạch Khu công nghiệp Trung Thành như sau:</p> <p>- Đối với diện tích đất nông nghiệp đã thực hiện chi trả đầy đủ chế độ bồi thường, hỗ trợ: Giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên quản lý và sử dụng phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- Đối với đất ở và đất cây lâu năm (<i>cùng thửa đất ở</i>) do chưa thực hiện đầy đủ chế độ bồi thường, hỗ trợ: Giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên thu hồi số kinh phí</p>

<p>dân được biết để yên tâm và ổn định cuộc sống.</p>	<p>bồi thường, hỗ trợ đỡ dang, nộp vào ngân sách nhà nước, đồng thời đề nghị cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt. Đến nay, sau quá trình tuyên truyền, vận động, đã có 09/15 hộ gia đình đồng ý trả lại tiền bồi thường đã ứng và đề nghị nhà nước thu hồi lại quyết định thu hồi đất, 03 hộ gia đình chưa thống nhất do chưa xác định được vị trí đất đã ứng tiền, 03 hộ gia đình chủ sử dụng đất đã chết cần phải tiếp tục làm rõ.</p> <p>2. Liên quan đến xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp:</p> <p>Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Trung Thành (Khu C - Khu công nghiệp Nam Phổ Yên), Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư phát triển hạ tầng Lê Trạch thuộc đối tượng kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiểm tra các dự án sử dụng vốn đầu tư ngoài ngân sách, các dự án khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kết quả kiểm tra cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tổ kiểm tra số 1 đã có Báo cáo số 3740/BC-TKT1 ngày 23/11/2021 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Đoàn kiểm tra, trong đó đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan Thanh tra tiến hành thanh tra toàn bộ dự án, đề xuất biện pháp xử lý đối với dự án.- Ngày 31/12/2021, Ban cán sự Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo số 994-BC/BCS báo cáo Thường trực Tỉnh ủy về kết quả kiểm tra, trong đó đề xuất giao cơ quan Thanh tra tiến hành thanh tra toàn bộ dự án. <p>3. Đối với tồn tại của các khu tái định cư Hưng Thịnh và Hợp Thịnh:</p> <p>Để giải quyết dứt điểm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại 2 khu tái định cư trên Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, lập phương án và thực hiện xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trong Quý III/2022.</p> <p>Về cơ sở hạ tầng tại khu tái định cư Hưng Thịnh và Hợp Thịnh, giao Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên tiếp tục cân đối nguồn lực đầu tư và hoàn thiện trong năm 2023. Sau khi có cơ sở hạ tầng, Ủy ban nhân dân thành phố lập phương án trình cấp có thẩm quyền cho đấu giá các lô đất còn lại tại 2 khu tái định cư theo quy định.</p>
---	---

<p style="text-align: center;">39</p>	<p>Cử tri phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng sớm giải quyết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hơn 100 hộ gia đình đã mua nhà thanh lý tại khu C, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp từ năm 1991 đến nay vẫn chưa có bìa đỏ.</p>	<p>Ngày 30/6/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kết luận số 48/KL-STNMT kết luận thanh tra việc quản lý sử dụng đất của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên. Trong đó kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên: <i>"Thu hồi diện tích 3,191ha đất Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp không còn nhu cầu sử dụng, đã thanh lý cho cán bộ, giáo viên làm nhà ở để giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên để quản lý theo quy hoạch"</i>.</p> <p>Ngày 12/01/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 51/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên quản lý theo quy hoạch.</p> <p>Ngày 15/02/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức hội nghị bàn giao đất tại thực địa cho Ủy ban nhân dân phường Tích Lương và Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên quản lý theo quy hoạch. Hiện nay, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên đang giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Tích Lương và các phòng, ban có liên quan rà soát quy hoạch, hồ sơ các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết theo đúng quy định.</p>
<p style="text-align: center;">40</p>	<p>Cử tri phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên đề nghị tỉnh giải quyết dứt điểm việc chi trả bồi thường cho các hộ dân khi thực hiện Dự án Trường trung cấp nghề CIENCO8.</p>	<p>Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn Kiểm tra, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo số 994-CV/BCSĐ ngày 31/12/2021 báo cáo xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy. Trong đó, đề xuất thu hồi hủy bỏ hiệu lực chủ trương đầu tư dự án.</p> <p>Ngày 25/4/2022, Tỉnh ủy đã có Văn bản số 994-CV/TU về việc cho ý kiến đối với Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra các dự án trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Ngày 18/5/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 2088/UBND-TH về việc triển khai thực hiện Thông báo số 1041-TB/TU ngày 16/3/2022 của Thường trực Tỉnh ủy và Công văn số 994-CV/TU ngày 25/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tổ chức thực hiện.</p>

<p>41</p> <p>Cử tri phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh sớm di dời Tháp anten truyền hình của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đến địa điểm mới đã được phê duyệt để đảm bảo an toàn cho người dân sinh sống tại khu vực.</p>	<p>Hiện tại, Tháp anten truyền hình mới tại địa điểm Núi Tiệp, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên đã được Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đưa vào khai thác sử dụng phát sóng chính thức từ ngày 09/4/2021, do đó Tháp anten tại phường Hoàng Văn Thụ đã dừng khai thác sử dụng kể từ thời điểm trên.</p> <p>Theo Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất và thu hồi tài sản tại Tháp anten cũ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh để giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên có nội dung: “Thu hồi tài sản tại Tháp anten cũ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên của Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh và giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên thực hiện bán đấu giá tài sản công để lựa chọn nhà đầu tư”. Ngày 09/11/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 3481/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên để quản lý theo quy hoạch. Như vậy toàn bộ Tháp anten, các tài sản trên khu đất và đất tại Tháp anten cũ phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên đã được giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên quản lý và thực hiện bán đấu giá theo quy định.</p> <p>Về nội dung triển khai thực hiện các công việc của các cơ quan chức năng nhằm sớm tháo dỡ Tháp anten để đảm bảo an toàn cho khu dân cư, công trình lân cận: Ngày 18/02/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 326/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Tòa nhà hỗn hợp ở, thương mại dịch vụ cao tầng tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên và Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Tòa nhà hỗn hợp ở, thương mại dịch vụ cao tầng tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên. Đã tổ chức đấu giá để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nêu trên, tuy nhiên không có người đăng ký tham gia đấu giá.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tiếp tục tổ chức đấu giá lần 2, sau khi thực hiện xong việc đấu giá để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nêu trên, Tháp anten cũ tại phường Hoàng Văn Thụ sẽ được tháo dỡ, đảm bảo an toàn cho khu dân cư.</p>
---	---

42	<p>Cử tri xã Hà Thượng, huyện Đại Từ phản ánh hiện tại nguồn nước sinh hoạt đang bị ô nhiễm, Nhân dân muốn có nước sinh hoạt phải đi mua nước về dùng. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh đẩy nhanh tiến độ bồi thường giải phóng mặt bằng, xem xét di chuyển các hộ dân ra khỏi vùng ảnh hưởng. Trong thời gian chưa di chuyển đề nghị tỉnh có biện pháp hỗ trợ.</p>	<p>- Đối với việc cấp nước sạch cho các hộ dân: Ngày 19/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã làm việc với Công ty Núi Pháo và thống nhất các nội dung liên quan đến việc cung cấp nước sinh hoạt cho người dân bị ảnh hưởng thuộc khu vực xóm 6, xã Hà Thượng như sau: Tiếp tục hỗ trợ nước sinh hoạt cho Nhân dân với định mức 60 lít/người/ngày, với hình thức bơm nước từ xe chở nước di động vào téc nước của các hộ dân. Để đảm bảo việc cung cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân xã Hà Thượng trong đó có xóm 6, Ủy ban nhân dân huyện đã làm việc với các cơ sở, ngành thực hiện dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên để xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân xã Hà Thượng trong năm 2022.</p> <p>- Về việc bồi thường giải phóng mặt bằng:</p> <p>+ Đối với các hộ dân bị ô nhiễm tại xóm 6, xã Hà Thượng: Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng là 42 hộ, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã thực hiện thu hồi đất theo Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 trong đó:</p> <p>Đối với 05 hộ bị ảnh hưởng trong đợt quan trắc năm 2020 (theo Văn bản số 4125/UBND-CNN&XD ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên): Đã phê duyệt phương án bồi thường 03 hộ, giá trị 11,09 tỷ đồng, đã thực hiện chi trả cho 2/3 hộ với giá trị 4,7 tỷ đồng. Đang hoàn thiện hồ sơ bồi thường 02 hộ còn lại.</p> <p>Đối với 37 hộ bị ảnh hưởng trong đợt quan trắc năm 2021, đã thực hiện kiểm kê được 13/37 hộ. hiện nay đang thực hiện kiểm kê 24/37 hộ còn lại theo quy định.</p> <p>+ Đối với các hộ dân thuộc xóm 2,3,4 xã Hà Thượng trong vùng bị ảnh hưởng: Tổng số 282 hộ, với diện tích 12,72 ha. Đã phê duyệt phương án 268/282 hộ, giá trị bồi thường 493,76 tỷ đồng. Đã thực hiện chi trả đối với 247/268 hộ, tổng số tiền chi trả là 456,24 tỷ đồng.</p> <p>Về tiến độ bồi thường giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục có Văn bản số 2190/UBND-CNNXD ngày 23/5/2022 chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, xem xét di chuyển các hộ dân ra khỏi vùng ảnh hưởng và yêu cầu Công ty Núi Pháo khẩn trương bố trí cấp đủ kinh phí chi trả bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân.</p>
----	---	--

43	<p>Cử tri xã Tân Thái, huyện Đại Từ phản ánh việc Doanh nghiệp tư nhân Anh Thắng khởi công xây dựng dự án Bến tàu du lịch Hồ Núi Cốc tại xóm Tân Lập, xã Tân Thái từ năm 2012 nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành. Đề nghị tỉnh kiểm tra, có phương án giải quyết.</p>	<p>Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn Kiểm tra, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo số 994-CV/BCSD ngày 31/12/2021 báo cáo xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy. Trong đó, đề xuất thu hồi hủy bỏ hiệu lực chủ trương đầu tư dự án.</p> <p>Ngày 25/4/2022, Tỉnh ủy đã có văn bản số 994-CV/TU về việc cho ý kiến đối với Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra các dự án trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Ngày 18/5/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản số 2088/UBND-TH về việc triển khai thực hiện Thông báo số 1041-TB/TU ngày 16/3/2022 của Thường trực Tỉnh ủy và Công văn số 994-CV/TU ngày 25/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hiện nay Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tổ chức thực hiện.</p>
44	<p>Cử tri phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên phản ánh: Khu dân cư số 3 của phường được xây dựng và sử dụng từ năm 2016, tuy nhiên hệ thống cấp điện tại đây chưa được sử dụng theo hệ thống nguồn điện của khu dân cư, hiện vẫn đang sử dụng theo các nguồn điện cũ. Đề nghị tỉnh quan tâm, giải quyết.</p>	<p>Ngày 13/10/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên ban hành Quyết định số 10933/QĐ-UBND về việc phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư số 3, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên.</p> <p>Quý Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên bàn giao hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hệ thống cấp điện của dự án và phối hợp cùng Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên trong quá trình đấu nối hệ thống cấp điện của dự án (đã bàn giao các hồ sơ pháp lý có liên quan của dự án).</p> <p>Để dự án được sớm đưa vào sử dụng, Quý Đầu tư phát triển đã phối hợp cùng các phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên chuẩn bị hồ sơ của Hệ thống cấp điện sinh hoạt dự án Khu dân cư số 3 phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên theo Công văn số 1524/PCTN-KHVT ngày 04/7/2022 của Công ty Điện lực Thái Nguyên về việc tiếp nhận công trình điện của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định 41/2017/QĐ-TTg (đã chuyển hồ sơ của dự án đến Công ty Điện lực Thái Nguyên).</p>

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Báo cáo số 4654/BC-HĐTĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;

Xét Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên là toàn bộ diện tích theo địa giới hành chính tỉnh Thái Nguyên với diện tích tự nhiên 352.196 ha, bao gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện (*gồm 03 thành phố thuộc tỉnh và 06 huyện*).

Ranh giới lập quy hoạch: Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Kạn; phía Nam giáp Thủ đô Hà Nội; phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Tuyên Quang; phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Bắc Giang.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Quán triệt đường lối, chủ trương, định hướng chiến lược và pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX.

- Phát triển kinh tế nhanh và bền vững dựa trên tăng cường thu hút đầu tư; chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh liên kết vùng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phát triển công nghệ số và thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Phát triển xã hội thân thiện, văn minh và hài hòa; kết hợp phát triển kinh tế gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Tập trung đầu tư phát triển và quản lý đô thị theo hướng xanh, thông minh, tiết kiệm tài nguyên năng lượng và bản sắc rõ ràng.

- Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để đưa tỉnh Thái Nguyên phát triển nhanh, toàn diện và bền vững.

- Phát triển, xây dựng tỉnh Thái Nguyên bình yên, ấm no, hạnh phúc, thân thiện, bền vững, trở thành một trong những tỉnh giàu có, phồn thịnh ở miền Bắc.

- Đến năm 2030, tỉnh Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo trình độ cao, trung tâm giáo dục, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe; trung tâm du lịch; xây dựng thành phố Thái Nguyên trở thành một trong những cực tăng trưởng hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 8% đến 8,5%/năm.

+ Cơ cấu kinh tế GRDP ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 60,0%; ngành dịch vụ chiếm 32,8%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 7,2%.

+ GRDP bình quân/người đạt khoảng 8.900 USD (giá hiện hành).

+ Quy mô kinh tế (GRDP) đạt khoảng 13,5 tỷ USD; nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 45 tỷ USD.

+ Tỷ lệ lao động theo ngành kinh tế: Ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 37%, ngành nông lâm nghiệp - thủy sản chiếm 27%, ngành dịch vụ chiếm 36%.

- Về văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế:

+ Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 1,52 triệu người.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 45%, đến năm 2030 đạt trên 60%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt trên 80%, trong đó đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 37%.

+ Tỷ lệ số trường đạt chuẩn quốc gia là 95%.

+ Tỷ lệ bác sỹ/10.000 dân là 19 người.

+ Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân là 60 giường.

+ Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên dân số là 98%.

- Về bảo vệ môi trường:

+ Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đạt theo quy định.

+ 100% các khu, cụm công nghiệp; đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường.

+ Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 46% trở lên.

- Về kết cấu hạ tầng: Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo bước đột phá góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, kết nối với hệ thống giao thông của vùng, quốc gia. Hệ thống cấp điện, cấp nước, thủy lợi an toàn, hiện đại, đồng bộ đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, đô thị, khu dân cư đảm bảo đồng bộ. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn. Phát triển hạ tầng phục vụ các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Hệ thống hạ tầng xã hội được quy hoạch và xây dựng đảm bảo chức năng là trung tâm y tế, giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao của vùng.

- Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thể trận quốc phòng, an ninh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; đảm bảo trật tự kỷ cương, an toàn, bình yên và hạnh phúc của Nhân dân.

2.3. Tầm nhìn phát triển đến năm 2050: Phấn đấu xây dựng tỉnh Thái Nguyên trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương, xanh, thông minh, có bản sắc rõ ràng; là một trong những trung tâm công nghiệp hiện đại của vùng Thủ đô Hà Nội và cả nước; nơi đáng sống, đáng đến, an toàn và thịnh vượng.

3. Các đột phá phát triển của tỉnh

(1) Tập trung phát triển cơ sở hạ tầng tại khu vực phía Nam của tỉnh; ưu tiên đầu tư giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất thu hút các nhà đầu tư; phát triển hạ tầng giao thông và khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ gắn kết với sự phát triển của vùng Thủ đô Hà Nội.

(2) Đẩy mạnh việc chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường; phấn đấu đưa Thái Nguyên trở thành trung tâm chuyển đổi số của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

(3) Chú trọng phát triển khu vực kinh tế tư nhân, công nghệ cao; khuyến khích hình thành những cụm ngành, cụm sản xuất có sự tương quan trong cùng lĩnh vực làm tiền đề, cơ sở kết nối chuỗi sản xuất, chuỗi sản phẩm, chuỗi giá trị nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

(4) Nâng cao năng lực, hiệu quả của bộ máy hành chính các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính, hướng tới sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp; tập trung nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là đạo đức công vụ.

(5) Quan tâm phát triển nguồn nhân lực địa phương, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; phát huy các lợi thế, thành quả, cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với tiềm năng, thế mạnh của các trường đại học, trung tâm nghiên cứu khoa học, y tế trên địa bàn tỉnh.

(6) Quan tâm, triển khai thực hiện tốt Chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số; phát triển tiềm năng du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng dân cư trên địa bàn tỉnh.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh

1.1. Ngành công nghiệp - xây dựng

- Phân đấu đến năm 2030, Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của vùng Thủ đô Hà Nội gắn với phát triển bền vững, có sức lan tỏa, tác động đến phát triển công nghiệp của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

- Phát triển các cụm ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, điện tử và sản xuất kim loại; ưu tiên phát triển các nhóm ngành, sản phẩm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, công nghệ sạch và công nghiệp xuất khẩu dựa trên sản xuất thông minh, công nghệ thông tin và kỹ thuật số. Gắn phát triển công nghiệp với đào tạo nguồn nhân lực và dịch vụ hỗ trợ chất lượng cao: Logistic, tài chính, ngân hàng, bất động sản và công nghệ thông tin và truyền thông,...

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Trong đó, ưu tiên thu hút đầu tư phát triển khu, cụm công nghiệp tại khu vực phía Nam của tỉnh.

- Phát triển ngành xây dựng theo hướng hiện đại, đáp ứng các điều kiện về năng lực trình độ chuyên môn, tài chính và nhân lực để có thể chủ động đảm nhiệm được phần lớn các hoạt động từ khảo sát, quy hoạch, thiết kế, thi công, quản lý, kinh doanh thị trường bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng và áp dụng các công nghệ mới.

1.2. Ngành du lịch, dịch vụ

- Xây dựng tỉnh Thái Nguyên trở thành trung tâm thương mại cấp vùng, trung tâm giao thương, kinh tế của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội.

- Phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên dựa trên ba thế mạnh là: Du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao vùng Hồ Núi Cốc, Đông Tam Đảo, Di tích lịch sử

Quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa, Khu di tích Lý Nam Đế; văn hoá trà và các quần thể di tích lịch sử, sinh thái khác trên địa bàn tỉnh.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

2.1. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Xây dựng nông nghiệp theo hướng sản xuất an toàn, hữu cơ, công nghệ cao, gắn với các loại hình du lịch sinh thái, trải nghiệm. Tập trung phát triển các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của tỉnh; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

2.2. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phấn đấu để tỉnh Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng, có hệ thống thiết chế và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ; có đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, hiện đại hóa công nghệ truyền thống; có nhiều công trình nghiên cứu giá trị trên các lĩnh vực khoa học, công nghệ.

2.3. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Phát triển văn hóa, gia đình đảm bảo giữ gìn bản sắc của vùng đất và người Thái Nguyên; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững. Ưu tiên tu bổ, tôn tạo các di tích đã xếp hạng bị xuống cấp, các di tích có giá trị phát triển du lịch.

- Giữ vững vai trò tỉnh Thái Nguyên là một trong những trung tâm đào tạo nhân lực có chất lượng cao của cả nước, phấn đấu nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu của cả nước về trình độ, chất lượng phát triển giáo dục và đào tạo, từng bước trở thành trung tâm đào tạo có uy tín ở Đông Nam Á.

- Phát triển ngành y tế theo hướng hiệu quả, chất lượng, bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về công tác bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe của Nhân dân; tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số, góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại địa phương.

- Huy động tối đa các nguồn lực để hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các xã đặc biệt khó khăn. Làm tốt công tác đảm bảo an sinh xã hội phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo không thấp hơn mức bình quân chung. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền lồng ghép trong công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

2.4. Quốc phòng, an ninh: Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện; tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và

xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

- Xây dựng và tổ chức kết nối giao thông đường bộ với các tỉnh, nhất là các tỉnh phía Nam, trong đó có Thủ đô Hà Nội và hệ thống đường cao tốc, đường quốc lộ thông qua tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn; tuyến cao tốc Vành đai V vùng Thủ đô, đường Hồ Chí Minh; đường liên kết vùng Thái Nguyên - Bắc Giang - Vĩnh Phúc; Quốc lộ 3; Quốc lộ 37; Quốc lộ 3C; Quốc lộ 17,...

Hệ thống đường bộ tỉnh Thái Nguyên sẽ hình thành 03 tuyến trục dọc chính, 04 tuyến trục ngang và 02 đường vành đai trên cơ sở nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh hiện có đạt quy mô đường tối thiểu đạt cấp III, cấp IV miền núi với 02 làn xe; quy hoạch thêm một số tuyến mới nhằm tăng cường kết nối các khu vực trong tỉnh với quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, 02 làn xe. Đối với các đoạn tuyến đi qua đô thị, đảm bảo quy mô đường đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

Cải tạo, nâng cấp, đường dây 500kV, 220kV, 110kV, xây dựng mới trạm để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ và đáp ứng nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội cũng như sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân.

5. Phương án phát triển thông tin và truyền thông

- Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh (bao gồm cả tuyến truyền dẫn dự phòng) thuộc các tuyến Hà Nội - Vĩnh Phúc - Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Lạng Sơn. Xây dựng tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng.

- Triển khai hạ tầng ngầm hóa các tuyến cáp thông tin ở các tuyến đường mới, khu đô thị, khu công nghiệp. Phát triển cáp quang băng rộng đến 100% thôn/khu/xóm/bản trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số: 100% tác nghiệp của các cơ quan chính quyền các cấp được thực hiện trên môi trường công nghệ số; 100% các dịch vụ hành chính công mức độ 4 đủ điều kiện theo quy định được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; kinh tế số chiếm trên 30% GRDP; 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến sẽ được định danh và xác thực, lưu giữ dưới dạng số hóa làm cơ sở cho việc thực hiện các thủ tục hành chính tiếp theo mà không cần cung cấp hồ sơ trước đó.

6. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

Xây mới và nâng cấp các nhà máy nước tại vùng 1 (vùng thành phố Thái Nguyên và huyện Đại Từ), vùng 2 (bao gồm thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên và huyện Phú Bình), vùng 3 (bao gồm các đơn vị hành chính cấp huyện còn lại) trên địa bàn tỉnh.

7. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi bao gồm các công trình hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, kênh mương, đê điều.

- Xây dựng mới một số hồ lớn đảm bảo nhu cầu cấp nước trên địa bàn tỉnh.

8. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

- Đầu tư xây dựng mới, mở rộng, tăng công suất các khu xử lý chất thải tập trung, đảm bảo 100% khối lượng chất thải sinh hoạt thu gom phải được xử lý đúng quy định, ưu tiên lắp đặt mới lò đốt chất thải hiện đại.

- Đảm bảo các cơ sở xử lý chất thải tại mỗi huyện, thành phố đều đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn.

9. Phương án phát triển hạ tầng xã hội

a) Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế công trình văn hóa, thể thao tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa, thể thao của các tầng lớp Nhân dân.

b) Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh (*Đại học Thái Nguyên, các trường đại học, cao đẳng...*).

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức hình thành trường phổ thông có nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) ở những nơi có điều kiện phù hợp. Nghiên cứu sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học một cách hợp lý, thu gọn các điểm trường lẻ. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

c) Phương án phát triển hạ tầng y tế

- Tiếp tục xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các cơ sở y tế công lập (*Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên; các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện...*).

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước về y tế. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở khám, chữa bệnh, điều dưỡng ngoài công lập phù hợp với quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Phương án phát triển các khu vực vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn

a) Về phát triển kinh tế

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản.

- Triển khai hiệu quả các giải pháp để lồng ghép, ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện có hiệu quả đề án, kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên; trong đó tập trung vào việc phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, hiệu quả; hình thành và phát triển vùng chuyên canh với quy mô hợp lý. Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với chế biến và khoanh nuôi, bảo vệ và giữ rừng.

- Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển thương mại, dịch vụ; du lịch cộng đồng và du lịch tâm linh gắn với đặc trưng vùng, miền.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế. Gắn công tác bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch bền vững. rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo, mở rộng dạy và học ngôn ngữ dân tộc thiểu số. Hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi nghề đối với người lao động thiếu đất sản xuất. Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, dân số có chất lượng; giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Về xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

Ưu tiên tập trung đầu tư hạ tầng giao thông kết nối vùng với khu vực phát triển kinh tế năng động, vùng động lực phát triển kinh tế và vùng đồng bằng. Đầu tư hệ thống giao thông nội vùng; xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu như điện, trường lớp học, y tế, hạ tầng viễn thông phục vụ sản xuất và sinh hoạt ở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn, bản đặc biệt khó khăn; đầu tư, hỗ trợ các dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư ở vùng có nguy cơ sạt lở, lũ ống, lũ quét,...

2. Phương án phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp

a) Khu công nghiệp: Phát triển và mở rộng 12 khu công nghiệp, tổng diện tích khoảng 4.245 ha. Trong đó, có 08 khu công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch và bổ sung 04 khu công nghiệp mới.

b) Cụm công nghiệp: Quy hoạch, phát triển 41 cụm công nghiệp, với diện tích đất khoảng 2.067 ha.

3. Tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn

- Định hướng phát triển đô thị: Đến năm 2030 toàn tỉnh Thái Nguyên có 15 đô thị, gồm đô thị loại I: 01; đô thị loại II: 02; đô thị loại IV: 05; đô thị loại V: 07. Trong đó, huyện Phú Bình và huyện Đại Từ trở thành thị xã.

- Định hướng phát triển nông thôn: Đến năm 2030 tỉnh Thái Nguyên có 100% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 100% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ người dân ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

4. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn

a) Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển các xã khu vực ngoại thành thuộc cụm thành phố Thái Nguyên - Sông Công - Phổ Yên gắn với phát triển các ngành sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, du lịch; xây dựng một số khu đô thị mới, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

Phát triển các xã thuộc các huyện Định Hóa, Phú Lương, Đông Hỷ, Võ Nhai gắn với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và hai hành lang đô thị Tây Bắc - Đông Nam (*Quốc lộ 3, Quốc lộ 3C*) và Đông Bắc - Tây Nam (*Quốc lộ 1B*).

Phát triển các xã của huyện Đại Từ và Phú Bình theo định hướng đô thị hóa các xã được quy hoạch là khu vực nội thị. Các xã còn lại được phát triển với vai trò là vành đai nông nghiệp và vành đai xanh của đô thị tương lai.

b) Hệ thống các điểm dân cư nông thôn

Hình thành trung tâm cụm xã trên cơ sở các xã có quy mô lớn, sản xuất phát triển hoặc tổ chức 02 - 04 xã thành một cụm ở những nơi có vị trí, điều kiện thuận lợi để góp phần đẩy mạnh quá trình đô thị hoá nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

5. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện và vùng huyện

5.1. Quy hoạch phân vùng không gian của tỉnh thành 02 vùng, gồm:

- Vùng liên huyện phía Bắc: Bao gồm 04 đơn vị hành chính là các huyện Định Hoá, Võ Nhai, Phú Lương, Đông Hỷ. Định hướng phát triển: Là vùng nông lâm nghiệp; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; du lịch lịch sử - văn hóa và sinh thái của tỉnh Thái Nguyên.

- Vùng liên huyện phía Nam: Bao gồm 05 đơn vị hành chính là các thành phố Thái Nguyên, Sông Công, Phổ Yên và các huyện Đại Từ, Phú Bình. Định hướng phát triển: Là vùng đô thị, công nghiệp, dịch vụ thương mại có vai trò trung tâm, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

5.2. Phương án phát triển vùng trọng điểm kinh tế và các trục hành lang động lực phát triển

a) Vùng trọng điểm kinh tế: Bao gồm thành phố Thái Nguyên và các khu vực tập trung công nghiệp, đô thị thuộc thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên, huyện Đại Từ và huyện Phú Bình. Đây là các địa phương có điều kiện thuận lợi trong việc phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị tạo sức lan tỏa, phát triển các vùng khác nhằm khai thác tối đa tiềm năng và thế mạnh của tỉnh.

b) Các trục hành lang động lực giao lưu phát triển, liên kết vùng và không gian kinh tế - xã hội tỉnh

- Các hành lang phát triển chủ yếu của tỉnh Thái Nguyên gồm:

+ Hành lang đô thị, công nghiệp, dịch vụ bao gồm Quốc lộ 3, Quốc lộ 37, cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đường cao tốc vành đai V, tuyến đường liên kết vùng kết nối các tỉnh Thái Nguyên - Bắc Giang - Vĩnh Phúc.

+ Hành lang kết nối các thị trấn, đô thị mới, thu hút đầu tư các ngành công nghiệp khai thác tài nguyên, khoáng sản, công nghiệp chế biến và một số trung tâm dịch vụ, đầu mối kỹ thuật, trung chuyển giữa tiểu vùng phía Bắc và phía Nam của tỉnh bao gồm Quốc lộ 37 và Quốc lộ 17.

+ Hành lang khu vực Tây Bắc gắn kết chuỗi đô thị Đu - Giang Tiên - Chợ Chu bao gồm Quốc lộ 3, Quốc lộ 3C.

+ Hành lang khu vực Đông Bắc kết nối chuỗi đô thị Hóa Thượng - Quang Sơn - La Hiên - Đình Cả thông qua tuyến Quốc lộ 1B.

- Các cực tăng trưởng gồm 03 thành phố, 02 thị xã thuộc tỉnh và các thị trấn thuộc huyện.

- Khu vực khuyến khích phát triển gồm 05 đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên, huyện Đại Từ và huyện Phú Bình; các đô thị, thị trấn và các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng phía Bắc.

- Khu vực hạn chế phát triển gồm: Các khu vực quốc phòng, an ninh và các khu vực bảo tồn.

5.3. Phân bố không gian phát triển dịch vụ

a) Không gian phát triển du lịch

Phát triển các khu du lịch bao gồm: Hồ Núi Cốc; Đông Tam Đảo; Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa; Trung tâm dịch vụ, du lịch thành phố Thái Nguyên; Khu di tích Lý Nam Đế, Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Hồ Suối Lạnh, thành phố Phổ Yên; khu du lịch sinh thái hồ Ghềnh Chè, thành phố Sông Công; Khu du lịch sinh thái hồ Kim Đình huyện Phú Bình; Khu di tích đình, đền, chùa Cầu Muối, huyện Phú Bình; Khu di tích Núi Văn - Núi Võ huyện Đại Từ; quần thể hang Phụng Hoàng, suối Mỏ Gà, Rừng Khuôn Mảnh, các hang động trên địa bàn huyện Võ Nhai; du lịch hang, động, du lịch mạo hiểm,...

b) Khu chức năng dịch vụ tổng hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao: Giai đoạn 2021 - 2030, quy hoạch, phát triển 13 khu chức năng tổng hợp, sân golf, khu dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng với, diện tích khoảng 927 ha.

c) Các khu vực chức năng khác

Phát triển một số khu trung tâm chuyên ngành tập trung: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, cụm công trình khu đại học và nghiên cứu khoa học; cụm công trình Trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe; cụm công trình thể dục thể thao và hệ thống các di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng được xếp hạng, một số khu phố kinh doanh trung tâm tại cụm thành phố Thái Nguyên - Sông Công - Phổ Yên.

6. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, gắn với phát triển bền vững theo hướng thích nghi và chống biến đổi khí hậu. Đến năm 2030, tổng diện tích tự nhiên là 352.196 ha, trong đó: Đất nông nghiệp khoảng 283.110 ha; đất phi nông nghiệp khoảng 66.638 ha; đất chưa sử dụng khoảng 2.448 ha.

V. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

a) Bảo vệ môi trường

Phương án phân vùng bảo vệ môi trường theo 03 vùng:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên Thần Sa - Phụng Hoàng; Khu bảo vệ cảnh quan ATK Định Hóa; Vườn Quốc Gia Tam Đảo (phần trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên); nước mặt Hồ Núi Cốc, Sông Công, Sông Cầu (nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt); Khu dân cư tập trung ở đô thị loại I (thành phố Thái Nguyên) và đô thị loại III (thành phố Phổ Yên, thành phố Sông Công).

- Vùng hạn chế phát thải: Khu vực xung quanh Hồ Núi Cốc (vùng đệm của vùng bảo vệ nghiêm ngặt); Khu dân cư tập trung ở các đô thị loại IV, V; các khu khai thác khoáng sản.

- Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Đa dạng sinh học: Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú nhằm bảo vệ sức khỏe Nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học. Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực các sông lớn, đai rừng phòng hộ; bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng; tối ưu hóa rừng sản xuất trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng rừng và đất lâm nghiệp, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

Khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn. Giai đoạn 2021 - 2030, tỉnh Thái Nguyên thực hiện đóng cửa các mỏ khoáng sản đã hết thời hạn, trữ lượng khai thác. Tiếp tục quy hoạch thực hiện và mở rộng các mỏ khoáng sản, mỏ vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất. Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn, đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các hệ thống sông, suối. Phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, xây dựng mạng quan trắc, giám sát khai thác và sử dụng tài nguyên nước; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất, lượng khai thác không vượt qua ngưỡng giới hạn trữ lượng tiềm năng.

4. Phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

- Xây dựng được các giải pháp trọng tâm và ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu đối với từng ngành, từng lĩnh vực và khu vực. Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức cho toàn dân về tác động tiêu cực, đồng thời nâng cao ý thức và trách nhiệm của toàn dân vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai được hình thành theo hướng đồng bộ, liên thông; 100% khu vực trọng điểm, xung yếu phòng, chống thiên tai được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống các loại thiên tai thường xuyên xảy ra như lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập úng, hạn hán và

thích ứng với biến đổi khí hậu. Di dân, tái định cư cho người dân nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai.

- Xây dựng cắm mốc chỉ giới hành lang thoát lũ, chứa lũ; mốc cảnh báo lũ khu vực không có đê; chỉ giới khu vực dân cư tập trung hiện có trước mắt được tồn tại khu vực có đê. Xây dựng hệ thống công trình thoát lũ hạ du hồ Núi Cốc trên sông Công nhằm đảm bảo khả năng phòng, chống thoát lũ và an toàn cho hồ xả lũ.

- Xây dựng hệ thống cầu qua sông Cầu kết hợp nâng cấp đê sông Cầu trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút đầu tư

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình không huy động được nguồn lực xã hội hóa. Huy động nguồn lực đầu tư các dự án trọng điểm về kết cấu hạ tầng kỹ thuật như: giao thông, thủy lợi, điện, khu, cụm công nghiệp, đô thị và các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); tập trung thu hút phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, chế biến nông, lâm sản có lợi thế cạnh tranh của tỉnh; các ngành mũi nhọn như: Công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ...

- Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp phía Nam, hạ tầng du lịch để thu hút đầu tư nhằm tạo đột phá trong phát triển kinh tế.

2. Giải pháp về chuyển đổi số

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số.

- Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; phòng, chống hiệu quả các hoạt động phá hoại, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử; tham gia chia sẻ dữ liệu quản lý công dân trong một số lĩnh vực công trực tuyến như: Định danh điện tử, lưu trữ và truy xuất thông tin người dân.

- Huy động và lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan để thực hiện chuyển đổi số; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và

các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyên đổi số.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có chất lượng, đủ mạnh ở mọi lĩnh vực.

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu từng thời kỳ phát triển của tỉnh, phù hợp xu thế phát triển chung của vùng và cả nước.

- Xây dựng các thể chế, cơ chế, chính sách nhằm khai thác tốt nguồn lực từ đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật hiện có; thu hút cán bộ có trình độ cao, các chuyên gia giỏi, quản lý doanh nghiệp, công nhân lành nghề về làm việc tại tỉnh.

- Tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực, loại hình giáo dục - đào tạo để nâng cao dân trí, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề của lao động; tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đáp ứng yêu cầu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Nhóm giải pháp về môi trường; khoa học, công nghệ

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội; đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về vai trò, vị trí của khoa học, công nghệ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng của tỉnh. Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản của tỉnh.

- Đưa khoa học, công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực để nâng cao năng suất, chất lượng, đạt các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap để hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

5. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Xây dựng chương trình hành động và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút các nguồn lực cho phát triển như: cơ chế, chính sách phát triển vùng động lực,

chính sách thu hút các nhà đầu tư lớn, chính sách phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, xây dựng phát triển chính quyền điện tử; nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh. Nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác.

6. Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất, mang tính tích hợp. Tiếp tục tinh giản bộ máy hành chính và cải cách hành chính, đây chính là nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng mô hình quản trị Nhà nước hiện đại. Tập trung ưu tiên việc nâng cao chất lượng bộ máy hành chính; đẩy mạnh việc thực hiện phân cấp và phân quyền trong thời gian tới.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra ngoài trung tâm các đô thị. Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và ổn định tỷ lệ che phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất phi nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu phát triển.

7. Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển.

Tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch, Chương trình hành động của tỉnh về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự. Triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, hạn chế chông chéo gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

8. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau theo quy định, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ.

Triển khai xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch theo giai đoạn 5 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

CÔNG BÁO tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử tỉnh Thái Nguyên được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16A, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: portal@thainguyen.gov.vn

Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>